**Câu 1: Anh C đang điều khiển xe ô tô về nhà đêm khuya. Do vội về nhà, anh C đã liên tục bấm còi để vượt trong khu phố đô thị. Vậy theo quy định của pháp luật, hành vi bấm còi này của anh C có vi phạm pháp luật khi tham gia giao thông? Nếu có thì hành vi này của anh C sẽ bị xử phạt như thế nào? Được biết lúc anh C đi về nhà là 22 giờ 30.**

Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP thì hành vi bấm còi trong trong đô thị và khu đông dân cư trong thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ ngày hôm sau, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định là hành vi vi phạm pháp luật khi tham gia giao thông đường bộ. Theo đó, hành vi bấm còi ô tô của anh C được xác định là hành vi vi phạm pháp luật và sẽ bị phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng.

**Câu 2: Theo quy định của pháp luật, người điều khiển xe ô tô thực hiện hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ nào thì sẽ bị phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng?**

Căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 123/2021/NĐ-CP) thì người điều khiển xe ô tô thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau thì sẽ bị phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng:

- Chuyển làn đường không đúng nơi cho phép hoặc không có tín hiệu báo trước, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 5 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP;

- Điều khiển xe chạy tốc độ thấp hơn các xe khác đi cùng chiều mà không đi về bên phải phần đường xe chạy, trừ trường hợp các xe khác đi cùng chiều chạy quá tốc độ quy định;

- Chở người trên buồng lái quá số lượng quy định;

- Không tuân thủ các quy định về nhường đường tại nơi đường bộ giao nhau, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm m, điểm n khoản 3 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP;

- Điều khiển xe có liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn giao thông mà không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, không tham gia cấp cứu người bị nạn, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 8 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP;

- Xe được quyền ưu tiên lắp đặt, sử dụng thiết bị phát tín hiệu ưu tiên không đúng quy định hoặc sử dụng thiết bị phát tín hiệu ưu tiên mà không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền cấp nhưng không còn giá trị sử dụng theo quy định;

- Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường rộng; dừng xe, đỗ xe không sát mép đường phía bên phải theo chiều đi ở nơi đường có lề đường hẹp hoặc không có lề đường; dừng xe, đỗ xe ngược với chiều lưu thông của làn đường; dừng xe, đỗ xe trên dải phân cách cố định ở giữa hai phần đường xe chạy; đỗ xe trên dốc không chèn bánh; mở cửa xe, để cửa xe mở không bảo đảm an toàn;

- Dừng xe không sát theo lề đường, hè phố phía bên phải theo chiều đi hoặc bánh xe gần nhất cách lề đường, hè phố quá 0,25 m; dừng xe trên đường xe điện, đường dành riêng cho xe buýt; dừng xe trên miệng cống thoát nước, miệng hầm của đường điện thoại, điện cao thế, chỗ dành riêng cho xe chữa cháy lấy nước; rời vị trí lái, tắt máy khi dừng xe; dừng xe, đỗ xe không đúng vị trí quy định ở những đoạn có bố trí nơi dừng xe, đỗ xe; dừng xe, đỗ xe trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường; dừng xe nơi có biển “Cấm dừng xe và đỗ xe”, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm i khoản 4, điểm d khoản 7 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ;

- Quay đầu xe trái quy định trong khu dân cư;

- Quay đầu xe ở phần đường dành cho người đi bộ qua đường, trên cầu, đầu cầu, ngầm, gầm cầu vượt, trừ trường hợp tổ chức giao thông tại những khu vực này có bố trí nơi quay đầu xe.

**Câu 3: Theo quy định của pháp luật, người điều khiển xe ô tô thực hiện hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ nào thì sẽ bị phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng?**

Căn cứ khoản 3 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 123/2021/NĐ-CP) thì người điều khiển xe ô tô thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau thì sẽ bị phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng:

- Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến dưới 10 km/h;

- Bấm còi, rú ga liên tục; bấm còi hơi, sử dụng đèn chiếu xa trong đô thị, khu đông dân cư, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định;

- Chuyển hướng không giảm tốc độ hoặc không có tín hiệu báo hướng rẽ (trừ trường hợp điều khiển xe đi theo hướng cong của đoạn đường bộ ở nơi đường không giao nhau cùng mức);

- Không tuân thủ các quy định về dừng xe, đỗ xe tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt; dừng xe, đỗ xe trong phạm vi an toàn của đường sắt, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 49 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP;

- Dừng xe, đỗ xe tại vị trí: nơi đường bộ giao nhau hoặc trong phạm vi 05 m tính từ mép đường giao nhau; điểm dừng đón, trả khách của xe buýt; trước cổng hoặc trong phạm vi 05 m hai bên cổng trụ sở cơ quan, tổ chức có bố trí đường cho xe ô tô ra vào; nơi phần đường có bề rộng chỉ đủ cho một làn xe; che khuất biển báo hiệu đường bộ; nơi mở dải phân cách giữa;

- Đỗ xe không sát theo lề đường, hè phố phía bên phải theo chiều đi hoặc bánh xe gần nhất cách lề đường, hè phố quá 0,25 m; đỗ xe trên đường xe điện, đường dành riêng cho xe buýt; đỗ xe trên miệng cống thoát nước, miệng hầm của đường điện thoại, điện cao thế, chỗ dành riêng cho xe chữa cháy lấy nước; đỗ, để xe ở hè phố trái quy định của pháp luật; đỗ xe nơi có biển “Cấm đỗ xe” hoặc biển “Cấm dừng xe và đỗ xe”, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm i khoản 4, điểm d khoản 7 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP;

- Không sử dụng hoặc sử dụng không đủ đèn chiếu sáng trong thời gian từ 19 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ ngày hôm sau, khi sương mù, thời tiết xấu hạn chế tầm nhìn; sử dụng đèn chiếu xa khi tránh xe đi ngược chiều;

- Điều khiển xe ô tô kéo theo xe khác, vật khác (trừ trường hợp kéo theo một rơ moóc, sơ mi rơ moóc hoặc một xe ô tô, xe máy chuyên dùng khác khi xe này không tự chạy được); điều khiển xe ô tô đẩy xe khác, vật khác; điều khiển xe kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc kéo thêm rơ moóc hoặc xe khác, vật khác; không nối chắc chắn, an toàn giữa xe kéo và xe được kéo khi kéo nhau;

- Chở người trên xe được kéo, trừ người điều khiển;

- Quay đầu xe tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt; quay đầu xe tại nơi đường hẹp, đường dốc, đoạn đường cong tầm nhìn bị che khuất, nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm quay đầu đối với loại phương tiện đang điều khiển; điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển; điều khiển xe rẽ phải tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ phải đối với loại phương tiện đang điều khiển

- Không giữ khoảng cách an toàn để xảy ra va chạm với xe chạy liền trước hoặc không giữ khoảng cách theo quy định của biển báo hiệu “Cự ly tối thiểu giữa hai xe”, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 5 Điều này;

- Không giảm tốc độ và nhường đường khi điều khiển xe chạy từ trong ngõ, đường nhánh ra đường chính;

- Không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên, đường chính từ bất kỳ hướng nào tới tại nơi đường giao nhau;

- Lùi xe ở đường một chiều, đường có biển “Cấm đi ngược chiều”, khu vực cấm dừng, trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường, nơi đường bộ giao nhau, nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, nơi tầm nhìn bị che khuất; lùi xe không quan sát hoặc không có tín hiệu báo trước, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 8 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP;

- Không thắt dây an toàn khi điều khiển xe chạy trên đường;

- Chở người trên xe ô tô không thắt dây an toàn (tại vị trí có trang bị dây an toàn) khi xe đang chạy;

- Chạy trong hầm đường bộ không sử dụng đèn chiếu sáng gần;

- Điều khiển xe chạy dưới tốc độ tối thiểu trên những đoạn đường bộ có quy định tốc độ tối thiểu cho phép.

**Câu 4: Anh C đang lái ô tô thì điện thoại di động của anh báo có cuộc gọi đến. Anh C không dừng xe để nghe điện thoại mà tiếp tục vừa điều khiển xe vừa nghe điện thoại. Vậy hành vi của anh C theo quy định của pháp luật sẽ bị xử lý như thế nào?**

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP thì hành vi dùng tay để nghe điện thoại di động trong khi vẫn đang điều khiển xe ô tô chạy trên đường của anh C sẽ bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Ngoài bị phạt tiền, anh C còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng. Trường hợp anh C đang sử dụng điện thoại di đông khi đang lái ô tômà gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng.

**Câu 5: Theo quy định của pháp luật, người điều khiển xe ô tô thực hiện những hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ nào sẽ bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng?**

Căn cứ khoản 4 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP) thì người điều khiển xe ô tô sẽ bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng nếu thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

- Dùng tay sử dụng điện thoại di động khi đang điều khiển xe chạy trên đường;

- Đi vào khu vực cấm, đường có biển báo hiệu có nội dung cấm đi vào đối với loại phương tiện đang điều khiển, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 5, điểm a khoản 8 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP và các trường hợp xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định;

- Điều khiển xe không đủ điều kiện để thu phí theo hình thức điện tử tự động không dừng (xe không gắn thẻ đầu cuối hoặc gắn thẻ đầu cuối mà số tiền trong tài khoản thu phí không đủ để chi trả khi qua làn thu phí điện tử tự động không dừng) đi vào làn đường dành riêng thu phí theo hình thức điện tử tự động không dừng tại các trạm thu phí;

- Dừng xe, đỗ xe tại vị trí: Bên trái đường một chiều hoặc bên trái (theo hướng lưu thông) của đường đôi; trên đoạn đường cong hoặc gần đầu dốc nơi tầm nhìn bị che khuất; trên cầu, gầm cầu vượt, song song với một xe khác đang dừng, đỗ, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 7 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP;

- Dừng xe, đỗ xe, quay đầu xe trái quy định gây ùn tắc giao thông;

- Xe không được quyền ưu tiên lắp đặt, sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên;

- Không thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn theo quy định khi xe ô tô bị hư hỏng ngay tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt;

- Không nhường đường cho xe xin vượt khi có đủ điều kiện an toàn;

- Lùi xe, quay đầu xe trong hầm đường bộ; dừng xe, đỗ xe, vượt xe trong hầm đường bộ không đúng nơi quy định.

**Câu 6: Theo quy định của pháp luật, người điều khiển xe ô tô thực hiện những hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ nào sẽ bị phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng?**

Người điều khiển xe ô tô thực hiện những hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ sau sẽ bị phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng (Khoản 5 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP)

- Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông;

- Không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông;

- Đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 8 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP và các trường hợp xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định;

- Vượt xe trong những trường hợp không được vượt, vượt xe tại đoạn đường có biển báo hiệu có nội dung cấm vượt (đối với loại phương tiện đang điều khiển); không có báo hiệu trước khi vượt; vượt bên phải xe khác trong trường hợp không được phép, trừ trường hợp tại đoạn đường có nhiều làn đường cho xe đi cùng chiều được phân biệt bằng vạch kẻ phân làn đường mà xe chạy trên làn đường bên phải chạy nhanh hơn xe đang chạy trên làn đường bên trái;

- Điều khiển xe không đi bên phải theo chiều đi của mình; đi không đúng phần đường hoặc làn đường quy định (làn cùng chiều hoặc làn ngược chiều) trừ hành vi quy định tại điểm c khoản 4 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP; điều khiển xe đi qua dải phân cách cố định ở giữa hai phần đường xe chạy; điều khiển xe đi trên hè phố, trừ trường hợp điều khiển xe đi qua hè phố để vào nhà;

- Tránh xe đi ngược chiều không đúng quy định, trừ hành vi vi phạm sử dụng đèn chiếu xa khi tránh xe đi ngược chiều quy định tại điểm g khoản 3 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP; không nhường đường cho xe đi ngược chiều theo quy định tại nơi đường hẹp, đường dốc, nơi có chướng ngại vật;

- Không tuân thủ các quy định khi vào hoặc ra đường cao tốc; điều khiển xe chạy ở làn dừng xe khẩn cấp hoặc phần lề đường của đường cao tốc; chuyển làn đường không đúng nơi cho phép hoặc không có tín hiệu báo trước khi chạy trên đường cao tốc; không tuân thủ quy định về khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước khi chạy trên đường cao tốc;

- Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h.

**Câu 7: Theo quy định của pháp luật, người điều khiển xe ô tô thực hiện những hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ nào sẽ bị phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng?**

Căn cứ khoản 6 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP) thì người điềukhiển xe ô tô thực hiện một trong những hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ sau sẽ bị phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng:

- Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h đến 35 km/h;

- Không nhường đường hoặc gây cản trở xe được quyền ưu tiên đang phát tín hiệu ưu tiên đi làm nhiệm vụ;

- Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở.

**Câu 8: Theo quy định của pháp luật, người điều khiển xe ô tô thực hiện những hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ nào sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng?**

Căn cứ khoản 7 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP) thì người điều khiển xe ô tô sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng khi thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ sau đây:

- Không chú ý quan sát, điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định gây tai nạn giao thông; dừng xe, đỗ xe, quay đầu xe, lùi xe, tránh xe, vượt xe, chuyển hướng, chuyển làn đường không đúng quy định gây tai nạn giao thông; không đi đúng phần đường, làn đường, không giữ khoảng cách an toàn giữa hai xe theo quy định gây tai nạn giao thông hoặc đi vào đường có biển báo hiệu có nội dung cấm đi vào đối với loại phương tiện đang điều khiển, đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều” gây tai nạn giao thông, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 8 Điều này;

- Điều khiển xe lạng lách, đánh võng; chạy quá tốc độ đuổi nhau trên đường bộ; dùng chân điều khiển vô lăng xe khi xe đang chạy trên đường;

- Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 35 km/h;

- Dừng xe, đỗ xe trên đường cao tốc không đúng nơi quy định; không có báo hiệu để người lái xe khác biết khi buộc phải dừng xe, đỗ xe trên đường cao tốc không đúng nơi quy định; quay đầu xe trên đường cao tốc.

**Câu 9:** . **Theo quy định của pháp luật, người điều khiển xe ô tô thực hiện những hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ nào sẽ bị phạt tiền từ 16.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng?**

Căn cứ khoản 7 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP) thì người điều khiển xe ô tô sẽ bị phạt tiền từ 16.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng khi thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ sau đây:

- Điều khiển xe đi ngược chiều trên đường cao tốc, lùi xe trên đường cao tốc, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định;

- Gây tai nạn giao thông không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn;

- Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở.

**Câu 10: Anh M là công an giao thông. Khi đang thực hiện nhiệm vụ, anh M phát hiện chị H đang điều khiển xe ô tô thực hiện lạng lách, đánh võng trên đường. Anh M đã ra hiệu lệnh chị H dừng xe để kiểm tra. Tuy nhiên chị H không chấp hành hiệu lệnh của anh M. Vậy theo quy định của pháp luật, hành vi này của chị H sẽ bị xử lý như thế nào?**

Theo quy định tại khoản 9 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP) thì hành vi của chị H được xác định là hành vi lạng lách, đánh võng trên đường mà không chấp hành hiệu lệnh dừng xe của người thi hành công vụ (anh M). Do đó, chị H sẽ bị phạt tiền từ 18.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Đồng thời chị H sẽ bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 03 tháng đến 05 tháng.

**Câu 11: Theo quy định của pháp luật, người điều khiển xe ô tô thực hiện những hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ nào sẽ bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng?**

Căn cứ khoản 10 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP) thì người điều khiển xe ô tô sẽ bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng khi thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ sau đây:

- Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở;

- Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ;

- Điều khiển xe trên đường mà trong cơ thể có chất ma túy;

- Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về chất ma túy của người thi hành công vụ.

**Câu 12: Theo quy định của pháp luật, người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) thực hiện những hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ nào sẽ bị phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng?**

Căn cứ khoản 1 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP) thì người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) sẽ bị phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng khi thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm c, điểm đ, điểm e, điểm h khoản 2; điểm a, điểm d, điểm g, điểm i, điểm m khoản 3; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm e khoản 4; khoản 5; điểm b khoản 6; điểm a, điểm b khoản 7; điểm d khoản 8 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP;

- Không có báo hiệu xin vượt trước khi vượt;

- Không giữ khoảng cách an toàn để xảy ra va chạm với xe chạy liền trước hoặc không giữ khoảng cách theo quy định của biển báo hiệu “Cự ly tối thiểu giữa hai xe”;

- Chuyển hướng không nhường quyền đi trước cho: Người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ; xe thô sơ đang đi trên phần đường dành cho xe thô sơ;

- Chuyển hướng không nhường đường cho: Các xe đi ngược chiều; người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường tại nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ;

- Lùi xe mô tô ba bánh không quan sát hoặc không có tín hiệu báo trước;

- Chở người ngồi trên xe sử dụng ô (dù);

- Không tuân thủ các quy định về nhường đường tại nơi đường giao nhau, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm b, điểm e khoản 2 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP;

- Chuyển làn đường không đúng nơi được phép hoặc không có tín hiệu báo trước;

- Điều khiển xe chạy dàn hàng ngang từ 03 xe trở lên;

- Không sử dụng đèn chiếu sáng trong thời gian từ 19 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ ngày hôm sau hoặc khi sương mù, thời tiết xấu hạn chế tầm nhìn;

- Tránh xe không đúng quy định; sử dụng đèn chiếu xa khi tránh xe đi ngược chiều; không nhường đường cho xe đi ngược chiều theo quy định tại nơi đường hẹp, đường dốc, nơi có chướng ngại vật;

- Bấm còi trong thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ ngày hôm sau, sử dụng đèn chiếu xa trong đô thị, khu đông dân cư, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định;

- Xe được quyền ưu tiên lắp đặt, sử dụng thiết bị phát tín hiệu ưu tiên không đúng quy định hoặc sử dụng thiết bị phát tín hiệu ưu tiên mà không có Giấy phép của cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc có Giấy phép của cơ quan có thẩm quyền cấp nhưng không còn giá trị sử dụng theo quy định;

- Quay đầu xe tại nơi không được quay đầu xe, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 4 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP;

- Điều khiển xe chạy dưới tốc độ tối thiểu trên những đoạn đường bộ có quy định tốc độ tối thiểu cho phép.

**Câu 13: Theo quy định của pháp luật, người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) thực hiện những hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ nào sẽ bị phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng?**

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP) thì người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) sẽ bị phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng khi thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường;

- Không giảm tốc độ và nhường đường khi điều khiển xe chạy từ trong ngõ, đường nhánh ra đường chính;

- Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến dưới 10 km/h;

- Điều khiển xe chạy tốc độ thấp mà không đi bên phải phần đường xe chạy gây cản trở giao thông;

- Dừng xe, đỗ xe ở lòng đường đô thị gây cản trở giao thông; tụ tập từ 03 xe trở lên ở lòng đường, trong hầm đường bộ; đỗ, để xe ở lòng đường đô thị, hè phố trái quy định của pháp luật;

- Không nhường đường cho xe xin vượt khi có đủ điều kiện an toàn; không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên, đường chính từ bất kỳ hướng nào tới tại nơi đường giao nhau;

- Xe không được quyền ưu tiên lắp đặt, sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên;

- Dừng xe, đỗ xe trên đường xe điện, điểm dừng đón trả khách của xe buýt, nơi đường bộ giao nhau, trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường; dừng xe nơi có biển “Cấm dừng xe và đỗ xe”; đỗ xe tại nơi có biển “Cấm đỗ xe” hoặc biển “Cấm dừng xe và đỗ xe”; không tuân thủ các quy định về dừng xe, đỗ xe tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt; dừng xe, đỗ xe trong phạm vi an toàn của đường sắt, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 49 Nghị định này;

- Chở theo 02 người trên xe, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 14 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật;

- Ngồi phía sau vòng tay qua người ngồi trước để điều khiển xe, trừ trường hợp chở trẻ em ngồi phía trước.

**Câu 14: Theo quy định của pháp luật, người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) thực hiện những hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ nào sẽ bị phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng?**

Căn cứ khoản 3 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP) thì người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) sẽ bị phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng khi thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Chuyển hướng không giảm tốc độ hoặc không có tín hiệu báo hướng rẽ (trừ trường hợp điều khiển xe đi theo hướng cong của đoạn đường bộ ở nơi đường không giao nhau cùng mức); điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển; điều khiển xe rẽ phải tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ phải đối với loại phương tiện đang điều khiển;

- Chở theo từ 03 người trở lên trên xe;

- Bấm còi, rú ga (nẹt pô) liên tục trong đô thị, khu đông dân cư, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định;

- Dừng xe, đỗ xe trên cầu;

- Điều khiển xe thành đoàn gây cản trở giao thông, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

- Điều khiển xe có liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn giao thông mà không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, không tham gia cấp cứu người bị nạn, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 8 Điều này;

- Điều khiển xe không đi bên phải theo chiều đi của mình; đi không đúng phần đường, làn đường quy định (làn cùng chiều hoặc làn ngược chiều); điều khiển xe đi qua dải phân cách cố định ở giữa hai phần đường xe chạy; điều khiển xe đi trên hè phố, trừ trường hợp điều khiển xe đi qua hè phố để vào nhà;

- Vượt bên phải trong trường hợp không được phép;

- Đi vào khu vực cấm, đường có biển báo hiệu có nội dung cấm đi vào đối với loại phương tiện đang điều khiển, trừ các hành vi vi phạm quy định tại khoản 5, điểm b khoản 6 Điều này và các trường hợp xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định;

- Người đang điều khiển xe hoặc chở người ngồi trên xe bám, kéo, đẩy xe khác, vật khác, dẫn dắt súc vật, mang vác vật cồng kềnh; chở người đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái; xếp hàng hóa trên xe vượt quá giới hạn quy định; điều khiển xe kéo theo xe khác, vật khác;

- Chở hàng vượt trọng tải thiết kế được ghi trong Giấy đăng ký xe đối với loại xe có quy định về trọng tải thiết kế;

- Chạy trong hầm đường bộ không sử dụng đèn chiếu sáng gần.

- Không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi điều khiển xe tham gia giao thông trên đường bộ;

- Chở người ngồi trên xe không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 06 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật

**Câu 15: Theo quy định của pháp luật, người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) thực hiện những hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ nào sẽ bị phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng?**

Căn cứ khoản 4 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP) thì người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) sẽ bị phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng khi thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h;

- Dừng xe, đỗ xe trong hầm đường bộ không đúng nơi quy định;

- Vượt xe trong những trường hợp không được vượt, vượt xe tại đoạn đường có biển báo hiệu có nội dung cấm vượt đối với loại phương tiện đang điều khiển, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm h khoản 3 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP;

- Vượt xe trong hầm đường bộ không đúng nơi quy định; quay đầu xe trong hầm đường bộ;

- Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông;

- Không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông;

- Người đang điều khiển xe sử dụng ô (dù), điện thoại di động, thiết bị âm thanh, trừ thiết bị trợ thính.

**Câu 16: Do thấy trời sắp mưa nhưng do không mang áo mưa nên chị H định sử dụng ô để che mưa khi đi xe máy về nhà. Vậy theo quy định của pháp luật, hành vi này của chị H có vi phạm quy định pháp luật về giao thông đường bộ hay không? Nếu có thì hành vi của chị H sẽ bị xử lý như thế nào?**

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP) thì hành vi sử dụng ô (dù) khi điều khiển xe máy là hành vi vi phạm pháp luật giao thông đường bộ. Theo đó, hành vi này của chị H sẽ bị phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Ngoài bị phạt tiền, chị H còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng. Trường hợp chị H gây tai nạn giao thông khi đang sử dụng ô (dù) thì sẽ bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng.

**Câu 17: Theo quy định của pháp luật, người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) thực hiện những hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ nào sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng?**

Căn cứ khoản 5 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP) thì người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng khi thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 6 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP và các trường hợp xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định;

- Không nhường đường hoặc gây cản trở xe được quyền ưu tiên đang phát tín hiệu ưu tiên đi làm nhiệm vụ.

**Câu 18: Theo quy định của pháp luật, người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) thực hiện những hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ nào sẽ bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng?**

Căn cứ khoản 6 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP) thì người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) sẽ bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng khi thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Sử dụng chân chống hoặc vật khác quệt xuống đường khi xe đang chạy;

- Điều khiển xe đi vào đường cao tốc, trừ xe phục vụ việc quản lý, bảo trì đường cao tốc;

- Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở.

**Câu 19: Theo quy định của pháp luật, người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) thực hiện những hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ nào sẽ bị phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng?**

Căn cứ khoản 7 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP) thì người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) sẽ bị phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng khi thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h;

- Không chú ý quan sát, điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định gây tai nạn giao thông; đi vào đường cao tốc, dừng xe, đỗ xe, quay đầu xe, lùi xe, tránh xe, vượt xe, chuyển hướng, chuyển làn đường không đúng quy định gây tai nạn giao thông; không đi đúng phần đường, làn đường, không giữ khoảng cách an toàn giữa hai xe theo quy định gây tai nạn giao thông hoặc đi vào đường có biển báo hiệu có nội dung cấm đi vào đối với loại phương tiện đang điều khiển, đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều” gây tai nạn giao thông, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 8 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP;

- Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở.

**Câu 20: Theo quy định của pháp luật, người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) thực hiện những hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ nào sẽ bị phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng?**

Căn cứ khoản 7 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP) thì người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) sẽ bị phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng khi thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Buông cả hai tay khi đang điều khiển xe; dùng chân điều khiển xe; ngồi về một bên điều khiển xe; nằm trên yên xe điều khiển xe; thay người điều khiển khi xe đang chạy; quay người về phía sau để điều khiển xe hoặc bịt mắt điều khiển xe;

- Điều khiển xe lạng lách hoặc đánh võng trên đường bộ trong, ngoài đô thị;

- Điều khiển xe chạy bằng một bánh đối với xe hai bánh, chạy bằng hai bánh đối với xe ba bánh;

- Điều khiển xe thành nhóm từ 02 xe trở lên chạy quá tốc độ quy định;

- Gây tai nạn giao thông không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn;

- Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở;

- Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ;

- Điều khiển xe trên đường mà trong cơ thể có chất ma túy;

- Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về chất ma túy của người thi hành công vụ.

**Câu 21: Theo quy định của pháp luật, người điều khiển xe đạp, xe đạp máy (kể cả xe đạp điện), người điều khiển xe thô sơ khác vi phạm quy tắc giao thông đường bộ sẽ bị xử lý như thế nào?**

Người điều khiển xe đạp, xe đạp máy (kể cả xe đạp điện), người điều khiển xe thô sơ khác vi phạm quy tắc giao thông đường bộ sẽ bị xử lý theo Điều 8 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP), cụ thể như sau:

1. Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không đi bên phải theo chiều đi của mình, đi không đúng phần đường quy định;

b) Dừng xe đột ngột; chuyển hướng không báo hiệu trước;

c) Không chấp hành hiệu lệnh hoặc chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 2, điểm c mục 3;

d) Vượt bên phải trong các trường hợp không được phép;

đ) Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường;

e) Chạy trong hầm đường bộ không có đèn hoặc vật phát sáng báo hiệu; dừng xe, đỗ xe trong hầm đường bộ không đúng nơi quy định; quay đầu xe trong hầm đường bộ;

g) Điều khiển xe đạp, xe đạp máy đi dàn hàng ngang từ 03 xe trở lên, xe thô sơ khác đi dàn hàng ngang từ 02 xe trở lên;

h) Người điều khiển xe đạp, xe đạp máy sử dụng ô (dù), điện thoại di động; chở người ngồi trên xe đạp, xe đạp máy sử dụng ô (dù);

i) Điều khiển xe thô sơ đi ban đêm không có báo hiệu bằng đèn hoặc vật phản quang;

k) Để xe ở lòng đường đô thị, hè phố trái quy định của pháp luật; đỗ xe ở lòng đường đô thị gây cản trở giao thông, đỗ xe trên đường xe điện, đỗ xe trên cầu gây cản trở giao thông;

l) Không tuân thủ các quy định về dừng xe, đỗ xe tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 49 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP;

m) Dùng xe đẩy làm quầy hàng lưu động trên đường, gây cản trở giao thông;

n) Không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên, đường chính từ bất kỳ hướng nào tới tại nơi đường giao nhau;

o) Xe đạp, xe đạp máy, xe xích lô chở quá số người quy định, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu;

p) Xếp hàng hóa vượt quá giới hạn quy định, không bảo đảm an toàn, gây trở ngại giao thông, che khuất tầm nhìn của người điều khiển;

q) Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở.

2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển xe đạp, xe đạp máy buông cả hai tay; chuyển hướng đột ngột trước đầu xe cơ giới đang chạy; dùng chân điều khiển xe đạp, xe đạp máy;

b) Không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông;

c) Người đang điều khiển xe hoặc chở người ngồi trên xe bám, kéo, đẩy xe khác, vật khác, mang vác vật cồng kềnh; điều khiển xe kéo theo xe khác, vật khác;

d) Không nhường đường cho xe xin vượt khi có đủ điều kiện an toàn hoặc gây cản trở đối với xe cơ giới xin vượt, gây cản trở xe ưu tiên;

đ) Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông.

3. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển xe lạng lách, đánh võng; đuổi nhau trên đường;

b) Đi xe bằng một bánh đối với xe đạp, xe đạp máy; đi xe bằng hai bánh đối với xe xích lô;

c) Đi vào khu vực cấm; đường có biển báo hiệu nội dung cấm đi vào đối với loại phương tiện đang điều khiển; đi ngược chiều đường của đường một chiều, đường có biển “Cấm đi ngược chiều”;

d) Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở.

4. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển xe đi vào đường cao tốc, trừ phương tiện phục vụ việc quản lý, bảo trì đường cao tốc;

b) Gây tai nạn giao thông không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn;

c) Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở;

d) Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ.

đ) Người điều khiển xe đạp máy (kể cả xe đạp điện) không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ;  
 e) Chở người ngồi trên xe đạp máy (kể cả xe đạp điện) không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 06 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật

5. Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển phương tiện tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần hành vi quy định tại điểm a, điểm b mục 3 nêu trên còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu phương tiện.

**Câu 22: Theo quy định của pháp luật, người đi bộ vi phạm quy tắc giao thông đường bộ sẽ bị xử lý như thế nào?**

Căn cứ Điều 9 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP) thì người đi bộ vi phạm quy tắc giao thông đường bộ sẽ bị xử lý như sau:

1. Phạt tiền từ 60.000 đồng đến 100.000 đồng đối với người đi bộ thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không đi đúng phần đường quy định; vượt qua dải phân cách; đi qua đường không đúng nơi quy định hoặc không bảo đảm an toàn;

b) Không chấp hành hiệu lệnh hoặc chỉ dẫn của đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, trừ hành vi vi phạm quy định tại mục 2;

c) Không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông;

d) Mang, vác vật cồng kềnh gây cản trở giao thông;

đ) Đu, bám vào phương tiện giao thông đang chạy.

2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với người đi bộ đi vào đường cao tốc, trừ người phục vụ việc quản lý, bảo trì đường cao tốc.

**Câu 23: Theo quy định của pháp luật, người điều khiển, dẫn dắt súc vật, điều khiển xe súc vật kéo vi phạm quy tắc giao thông đường bộ sẽ bị xử lý như thế nào?**

Căn cứ Điều 10 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP) thì người điều khiển, dẫn dắt súc vật, điều khiển xe súc vật kéo vi phạm quy tắc giao thông đường bộsẽ bị xử lý như sau:

1. Phạt tiền từ 60.000 đồng đến 100.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không nhường đường theo quy định, không báo hiệu bằng tay khi chuyển hướng;

b) Không chấp hành hiệu lệnh hoặc chỉ dẫn của đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, trừ hành vi vi phạm quy định tại mục 3;

c) Không đủ dụng cụ đựng chất thải của súc vật hoặc không dọn sạch chất thải của súc vật thải ra đường, hè phố;

d) Điều khiển, dẫn dắt súc vật đi không đúng phần đường quy định, đi vào đường cấm, khu vực cấm, đi vào phần đường của xe cơ giới;

đ) Để súc vật đi trên đường bộ không bảo đảm an toàn cho người và phương tiện đang tham gia giao thông;

e) Đi dàn hàng ngang từ 02 xe trở lên;

g) Để súc vật kéo xe mà không có người điều khiển;

h) Điều khiển xe không có báo hiệu theo quy định.

2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông;

b) Dắt súc vật chạy theo khi đang điều khiển hoặc ngồi trên phương tiện giao thông đường bộ;

c) Xếp hàng hóa trên xe vượt quá giới hạn quy định.

3. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người điều khiển, dẫn dắt súc vật, điều khiển xe súc vật kéo đi vào đường cao tốc trái quy định.

**Câu 24: Theo quy định của pháp luật, một số hành vi vi phạm khác về quy tắc giao thông đường bộ sẽ bị xử lý như thế nào**

Căn cứ Điều 11 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP) thì hành vi vi phạm khác về quy tắc giao thông đường bộ sẽ bị xử lý như sau:

1. Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng đối với người được chở trên xe đạp, xe đạp máy sử dụng ô (dù).

2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Tập trung đông người trái phép, nằm, ngồi trên đường bộ gây cản trở giao thông;

b) Đá bóng, đá cầu, chơi cầu lông hoặc các hoạt động thể thao khác trái phép trên đường bộ; sử dụng bàn trượt, pa-tanh, các thiết bị tương tự trên phần đường xe chạy;

c) Người được chở trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy sử dụng ô (dù);

d) Người được chở trên xe đạp, xe đạp máy bám, kéo, đẩy xe khác, vật khác, mang vác vật cồng kềnh.

3. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với cá nhân, từ 400.000 đồng đến 800.000 đồng đối với tổ chức để vật che khuất biển báo, đèn tín hiệu giao thông.

4. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với người được chở trên xe ô tô không thắt dây an toàn (tại vị trí có trang bị dây an toàn) khi xe đang chạy.

5. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người được chở trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô, các loại xe tương tự xe gắn máy, xe đạp máy (kể cả xe đạp điện) thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Bám, kéo, đẩy xe khác, vật khác, dẫn dắt súc vật, mang vác vật cồng kềnh, đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái;

b) Không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ.

6. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không cứu giúp người bị tai nạn giao thông khi có yêu cầu;

b) Ném gạch, đất, đá, cát hoặc vật thể khác vào phương tiện đang tham gia giao thông trên đường bộ.

7. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với tổ chức cố ý thay đổi, xóa dấu vết hiện trường vụ tai nạn giao thông, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 2, điểm b khoản 8 Điều 5; điểm e khoản 3, điểm đ khoản 8 Điều 6; điểm g khoản 3, điểm c khoản 8 Điều 7; điểm b khoản 4 Điều 8 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP.

8. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi cản trở hoặc không chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ, trừ các hành vi vi phạm quy định tại khoản 9, điểm b, điểm d khoản 10 Điều 5; điểm g, điểm i khoản 8, khoản 9 Điều 6; điểm b, điểm d khoản 9 Điều 7; điểm d khoản 4 Điều 8; điểm b khoản 5 Điều 33 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP.

9. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Ném đinh, rải đinh hoặc vật sắc nhọn khác, đổ dầu nhờn hoặc các chất gây trơn khác trên đường bộ; chăng dây hoặc các vật cản khác qua đường gây nguy hiểm đến người và phương tiện tham gia giao thông;

b) Xâm phạm sức khỏe, tài sản của người bị nạn hoặc người gây tai nạn;

c) Lợi dụng việc xảy ra tai nạn giao thông để hành hung, đe dọa, xúi giục, gây sức ép, làm mất trật tự, cản trở việc xử lý tai nạn giao thông.

Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân thực hiện hành vi quy định tại mục 9 nêu trên nếu là người điều khiển phương tiện còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng.

Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Thực hiện hành vi quy định tại mục 3 nêu trên buộc phải phá dỡ các vật che khuất biển báo hiệu đường bộ, đèn tín hiệu giao thông;

b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a mục 9 nêu trên buộc phải thu dọn đinh, vật sắc nhọn, dây hoặc các vật cản khác và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.

**Câu 25: Theo quy định của pháp luật, hành vi** **phơi thóc, lúa, rơm, rạ, nông, lâm, hải sản trên đường bộ; đặt máy tuốt lúa trên đường bộ sẽ bị xử lý như thế nào?**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP), hành vi phơi thóc, lúa, rơm, rạ, nông, lâm, hải sản trên đường bộ; đặt máy tuốt lúa trên đường bộ thì sẽ bị xử lý như sau: Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với cá nhân, từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với tổ chức. Ngoài bị phạt tiền, chủ thể vi phạm bị buộc phải thu dọn thóc, lúa, rơm, rạ, nông, lâm, hải sản, thiết bị trên đường bộ;

**Câu 26: Theo quy định của pháp luật, hành vi vi phạm quy định về thi công, bảo trì công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ sẽ bị xử lý như thế nào?**

Hành vi vi phạm quy định về thi công, bảo trì công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ sẽ bị xử lý theo Điều 13 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP), cụ thể như sau:

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 250.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân, từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi thi công trên đường bộ đang khai thác không treo biển báo thông tin công trình hoặc treo biển báo thông tin không đầy đủ nội dung theo quy định.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ không thực hiện theo đúng các quy định trong Giấy phép thi công hoặc trong văn bản thỏa thuận thi công của cơ quan có thẩm quyền, trừ các hành vi vi phạm quy định tại mục 3, điểm a mục 4, mục 5;

b) Không bố trí người hướng dẫn, điều khiển giao thông khi thi công ở chỗ đường hẹp hoặc ở hai đầu cầu, cống, đường ngầm đang thi công theo đúng quy định;

c) Để vật liệu, đất đá, phương tiện thi công ngoài phạm vi thi công gây cản trở giao thông;

d) Không thu dọn ngay các biển báo hiệu, rào chắn, phương tiện, vật dụng thi công, các vật liệu khác hoặc không hoàn trả phần đường (gồm lòng đường, lề đường, hè phố), phần đất dọc hai bên đường bộ dùng để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ, hành lang an toàn đường bộ theo nguyên trạng khi thi công xong.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ có Giấy phép thi công nhưng đã hết thời hạn ghi trong Giấy phép hoặc có văn bản thỏa thuận thi công của cơ quan có thẩm quyền nhưng đã hết thời hạn thi công ghi trong văn bản;

b) Thi công trên đường bộ đang khai thác không có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông thông suốt để xảy ra ùn tắc giao thông nghiêm trọng.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thi công trên đường bộ đang khai thác có bố trí biển báo hiệu, cọc tiêu di động, rào chắn nhưng không đầy đủ theo quy định; không đặt đèn đỏ vào ban đêm tại hai đầu đoạn đường thi công;

b) Thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ không có Giấy phép thi công hoặc không có văn bản thỏa thuận thi công của cơ quan có thẩm quyền theo quy định, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm a mục 3 nêu trên.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thi công công trình trên đường đô thị không thực hiện theo phương án thi công hoặc thời gian quy định;

b) Thi công trên đường bộ đang khai thác không thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông theo quy định để xảy ra tai nạn giao thông;

c) Thi công trên đường bộ đang khai thác không bố trí biển báo hiệu, cọc tiêu di động, rào chắn theo quy định, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm a mục 4 nêu trên.

6. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a mục 2, điểm b mục 3, điểm c mục 5 nêu trên còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ hoạt động thi công hoặc tước quyền sử dụng Giấy phép thi công (nếu có) từ 01 tháng đến 03 tháng.

7. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Thực hiện hành vi quy định tại mục êu trên buộc phải treo biển báo thông tin công trình có đầy đủ nội dung theo quy định;

b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm b mục 2; mục 3; điểm a mục 4; mục 5 nêu trên buộc phải thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông theo quy định;

c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm c, điểm d mục 2; điểm b mục 4 nêu trên buộc phải thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông theo quy định và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.

**Câu 27: Theo quy định của pháp luật, hành vi** **vi phạm về xây dựng bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, trạm thu phí đường bộ sẽ bị xử lý như thế nào?**

Căn cứ Điều 14 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP), hành vi vi phạm về xây dựng bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, trạm thu phí đường bộ sẽ bị xử lý như sau:

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Xây dựng hoặc thành lập bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, trạm thu phí đường bộ khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước về giao thông vận tải đồng ý theo quy định;

b) Xây dựng bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, trạm thu phí đường bộ không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định.

2. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a mục 1 nêu trên còn buộc phải phá dỡ công trình xây dựng trái phép và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;

b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b mục 1 nêu trên còn buộc phải xây dựng lại bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, trạm thu phí đường bộ theo đúng quy định, bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật.

**Câu 28: Anh A đang điều khiển xe ô tô qua trạm thu phí cao tốc. Lợi dụng lúc người thu phí không để ý anh A đã điều khiển phương tiện vượt qua trạm mà không trả tiền dịch vụ sử dụng đường bộ. Vậy theo quy định của pháp luật, hành vi này của anh A sẽ bị xử lý như thế nào?**

Căn cứ khoản 4a Điều 15 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP), người điều khiển phương tiện, chủ phương tiện có hành vi trốn tránh, không trả tiền dịch vụ sử dụng đường bộ khi phương tiện tham gia giao thông qua các trạm thu phí thì sẽ bị phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng. Như vậy anh A sẽ bị phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng khi thực hiện hành vi trên.

**Câu 29: Theo quy định của pháp luật, người điều khiển xe ô tô (bao gồm cả rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo theo) và các loại xe tương tự xe ô tô khi thực hiện hành vi vi phạm quy định về điều kiện của phương tiện khi tham gia giao thông sẽ bị xử lý như thế nào?**

Việc xử lý người điều khiển xe ô tô (bao gồm cả rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo theo) và các loại xe tương tự xe ô tô khi thực hiện hành vi vi phạm quy định về điều kiện của phương tiện khi tham gia giao thông được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP), cụ thể như sau:

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe không có kính chắn gió hoặc có nhưng vỡ hoặc có nhưng không có tác dụng (đối với xe có thiết kế lắp kính chắn gió).

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển xe không có đủ đèn chiếu sáng, đèn soi biển số, đèn báo hãm, đèn tín hiệu, cần gạt nước, gương chiếu hậu, dây an toàn, dụng cụ thoát hiểm, thiết bị chữa cháy, đồng hồ báo áp lực hơi, đồng hồ báo tốc độ của xe hoặc có những thiết bị đó nhưng không có tác dụng, không đúng tiêu chuẩn thiết kế (đối với loại xe được quy định phải có những thiết bị đó), trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm m khoản 3 Điều 23, điểm q khoản 4 Điều 28 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP;

b) Điều khiển xe không có còi hoặc có nhưng còi không có tác dụng;

c) Điều khiển xe không có bộ phận giảm thanh, giảm khói hoặc có nhưng không có tác dụng, không bảo đảm quy chuẩn môi trường về khí thải, tiếng ồn.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển xe lắp thêm đèn phía trước, phía sau, trên nóc, dưới gầm, một hoặc cả hai bên thành xe;

b) Điều khiển xe có hệ thống chuyển hướng của xe không đúng tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật;

c) Điều khiển xe không lắp đủ bánh lốp hoặc lắp bánh lốp không đúng kích cỡ hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc);

d) Điều khiển xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách lắp thêm hoặc tháo bớt ghế, giường nằm hoặc có kích thước khoang chở hành lý (hầm xe) không đúng với thông số kỹ thuật được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe.

4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển xe không có Giấy đăng ký xe theo quy định hoặc sử dụng Giấy đăng ký xe đã hết hạn sử dụng (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc);

b) Điều khiển xe (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) không gắn biển số (đối với loại xe có quy định phải gắn biển số);

c) Điều khiển xe ô tô tải (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) có kích thước thùng xe không đúng với thông số kỹ thuật được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe;

d) Điều khiển xe lắp đặt, sử dụng còi vượt quá âm lượng theo quy định.

5. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển xe có Giấy chứng nhận hoặc tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường nhưng đã hết hạn sử dụng dưới 01 tháng (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc);

b) Điều khiển xe không đủ hệ thống hãm hoặc có đủ hệ thống hãm nhưng không có tác dụng, không đúng tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc).

6. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển xe gắn biển số không đúng với Giấy đăng ký xe hoặc gắn biển số không do cơ quan có thẩm quyền cấp (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc);

b) Sử dụng Giấy đăng ký xe, Giấy chứng nhận, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường không do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc bị tẩy xóa; sử dụng Giấy đăng ký xe không đúng số khung, số máy của xe (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc);

c) Điều khiển xe không có Giấy chứng nhận hoặc tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với loại xe có quy định phải kiểm định, trừ xe đăng ký tạm thời) hoặc có nhưng đã hết hạn sử dụng từ 01 tháng trở lên (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc);

d) Điều khiển xe không gắn đủ biển số hoặc gắn biển số không đúng vị trí; gắn biển số không rõ chữ, số; gắn biển số bị bẻ cong, bị che lấp, bị hỏng; sơn, dán thêm làm thay đổi chữ, số hoặc thay đổi màu sắc của chữ, số, nền biển (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc).

7. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển xe đăng ký tạm, xe có phạm vi hoạt động hạn chế hoạt động quá phạm vi, thời hạn cho phép;

b) Điều khiển xe (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) quá niên hạn sử dụng tham gia giao thông (đối với loại xe có quy định về niên hạn sử dụng);

c) Điều khiển loại xe sản xuất, lắp ráp trái quy định tham gia giao thông (bao gồm cả xe công nông thuộc diện bị đình chỉ tham gia giao thông, rơ moóc và sơ mi rơ moóc được kéo theo).

Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

- Thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm b mục 3; mục 4; mục 5; điểm c mục 6; điểm a mục 7 nêu trên bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng;

Thực hiện hành vi quy định tại điểm a mục 3, điểm d mục 4 nêu trên bị tịch thu đèn lắp thêm, còi vượt quá âm lượng;

- Thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm b mục 6 nêu trên bị tịch thu Giấy chứng nhận, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, Giấy đăng ký xe, biển số không đúng quy định hoặc bị tẩy xóa; bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng;

- Thực hiện hành vi quy định tại điểm b, điểm c mục7 nêu trên bị tịch thu phương tiện (trừ trường hợp xe ô tô từ 10 chỗ ngồi trở lên kinh doanh vận tải hành khách có niên hạn sử dụng vượt quá quy định về điều kiện kinh doanh của hình thức kinh doanh đã đăng ký nhưng chưa quá 20 năm tính từ năm sản xuất, xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi kinh doanh vận tải hành khách) và bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng;

- Thực hiện hành vi quy định tại điểm a mục 4, điểm b mục 6 nêu trên trong trường hợp không có Giấy đăng ký xe hoặc sử dụng Giấy đăng ký xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, không đúng số khung, số máy của xe hoặc bị tẩy xóa (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) mà không chứng minh được nguồn gốc xuất xứ của phương tiện (không có giấy tờ, chứng từ chuyển quyền sở hữu xe hoặc giấy tờ, chứng từ nguồn gốc xe hợp pháp) thì bị tịch thu phương tiện.

Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

- Thực hiện hành vi quy định tại mục 1; mục 2; điểm b, điểm c mục 3; điểm c, điểm d mục 4; điểm b mục 5; điểm d mục 6 nêu trên buộc phải lắp đầy đủ thiết bị hoặc thay thế thiết bị đủ tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật hoặc khôi phục lại tính năng kỹ thuật của thiết bị theo quy định;

- Thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm d mục 3 nêu trên buộc phải lắp đầy đủ thiết bị hoặc khôi phục lại tính năng kỹ thuật của thiết bị theo quy định, tháo bỏ những thiết bị lắp thêm không đúng quy định

**Câu 30: Theo quy định của pháp luật, người điều khiển** **xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy khi thực hiện hành vi vi phạm quy định về điều kiện của phương tiện khi tham gia giao thông sẽ bị xử lý như thế nào?**

Việc xử lý người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy khi thực hiện hành vi vi phạm quy định về điều kiện của phương tiện khi tham gia giao thông được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP), cụ thể như sau:

1.. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển xe không có còi; đèn soi biển số; đèn báo hãm; gương chiếu hậu bên trái người điều khiển hoặc có nhưng không có tác dụng;

b) Điều khiển xe không có đèn tín hiệu hoặc có nhưng không có tác dụng;

c) Sử dụng còi không đúng quy chuẩn kỹ thuật cho từng loại xe;

d) Điều khiển xe không có bộ phận giảm thanh, giảm khói hoặc có nhưng không bảo đảm quy chuẩn môi trường về khí thải, tiếng ồn;

đ) Điều khiển xe không có đèn chiếu sáng gần, xa hoặc có nhưng không có tác dụng, không đúng tiêu chuẩn thiết kế;

e) Điều khiển xe không có hệ thống hãm hoặc có nhưng không có tác dụng, không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật;

g) Điều khiển xe lắp đèn chiếu sáng về phía sau xe.

2. Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển xe không có Giấy đăng ký xe theo quy định hoặc sử dụng Giấy đăng ký xe đã hết hạn sử dụng;

b) Sử dụng Giấy đăng ký xe đã bị tẩy xóa; sử dụng Giấy đăng ký xe không đúng số khung, số máy của xe hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp;

c) Điều khiển xe không gắn biển số (đối với loại xe có quy định phải gắn biển số); gắn biển số không đúng với Giấy đăng ký xe hoặc gắn biển số không do cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển xe đăng ký tạm hoạt động quá phạm vi, thời hạn cho phép;

b) Điều khiển loại xe sản xuất, lắp ráp trái quy định tham gia giao thông.

Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Thực hiện hành vi sử dụng còi không đúng quy chuẩn kỹ thuật cho từng loại xe bị tịch thu còi;

b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b, điểm c mục 2 nêu trên bị tịch thu Giấy đăng ký xe, biển số không đúng quy định hoặc bị tẩy xóa;

c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a mục 3 nêu trên bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng;

d) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b mục 3 nêu trên bị tịch thu phương tiện và tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng;

đ) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm b mục 2 nêu trên trong trường hợp không có Giấy đăng ký xe hoặc sử dụng Giấy đăng ký xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, không đúng số khung, số máy của xe hoặc bị tẩy xóa mà không chứng minh được nguồn gốc xuất xứ của phương tiện (không có giấy tờ, chứng từ chuyển quyền sở hữu xe hoặc giấy tờ, chứng từ nguồn gốc xe hợp pháp) thì bị tịch thu phương tiện.

**Câu 31. Mức xử phạt người điều khiển xe thô sơ vi phạm quy định về điều kiện của phương tiện khi tham gia giao thông là bao nhiêu?**

Theo quy định tại [Điều 18 Nghị định 100/2019/NĐ-CP](https://lawnet.vn/vb/nghi-dinh-1002019ndcp-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-giao-thong-duong-bo-va-duong-sat-68181.html) thì nội dung này được quy định như sau:

- Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe không có đăng ký, không gắn biển số (đối với loại xe có quy định phải đăng ký và gắn biển số).

- Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

+ Điều khiển xe không có hệ thống hãm hoặc có nhưng không có tác dụng;

+ Điều khiển xe thô sơ chở khách, chở hàng không bảo đảm tiêu chuẩn về tiện nghi và vệ sinh theo quy định của địa phương.

**Câu 32. Hành vi điều khiển xe máy chuyên dùng ra ngoài phạm vi công ty bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Tại  [khoản 2 Điều 19 Nghị định 100/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Vi-pham-hanh-chinh/Nghi-dinh-123-2021-ND-CP-sua-doi-Nghi-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-hang-hai-477975.aspx?anchor=dieu_19) quy định về xử phạt người điều khiển máy kéo (kể cả rơ moóc được kéo theo), xe máy chuyên dùng vi phạm quy định về điều kiện của phương tiện khi tham gia giao thông như sau:

Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Điều khiển xe hoạt động không đúng phạm vi quy định;

- Điều khiển máy kéo, xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp hoặc cải tạo trái quy định tham gia giao thông;

- Điều khiển xe không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với loại xe có quy định phải kiểm định, trừ xe đăng ký tạm thời) hoặc có nhưng đã hết hạn sử dụng từ 01 tháng trở lên (kể cả rơ moóc);

- Điều khiển xe không có Giấy đăng ký xe hoặc sử dụng Giấy đăng ký xe đã hết hạn sử dụng (kể cả rơ moóc);

- Điều khiển xe không gắn biển số (đối với loại xe có quy định phải gắn biển số); gắn biển số không đúng với Giấy đăng ký xe hoặc gắn biển số không do cơ quan có thẩm quyền cấp (kể cả rơ moóc);

- Sử dụng Giấy đăng ký xe, Giấy chứng nhận, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường không do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc bị tẩy xóa; sử dụng Giấy đăng ký xe không đúng số khung, số máy của xe (kể cả rơ moóc).

Như vậy, trường hợp điều khiển xe nâng hàng hoạt động không đúng phạm vi quy định thì sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

**Câu 33. Điều khiển xe ô tô vi phạm quy định về bảo vệ môi trường bị xử phạt ra sao?**

Điều 20 Nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô vi phạm quy định về bảo vệ môi trường khi tham gia giao thông, cụ thể như sau:

- Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe không đáp ứng yêu cầu về vệ sinh lưu thông trong đô thị.

- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm: để dầu nhờn, hóa chất rơi vãi xuống đường bộ; chở hàng rời, chất thải, vật liệu xây dựng dễ rơi vãi mà không có mui, bạt che đậy hoặc có mui, bạt che đậy nhưng vẫn để rơi vãi; chở hàng hoặc chất thải để nước chảy xuống mặt đường gây mất an toàn giao thông và vệ sinh môi trường; lôi kéo bùn, đất, cát, nguyên liệu, vật liệu hoặc chất phế thải khác ra đường bộ gây mất an toàn giao thông và vệ sinh môi trường.

- Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với người điều khiển xe đổ trái phép rác, đất, cát, đá, vật liệu, chất phế thải trong phạm vi đất dành cho đường bộ ở đoạn đường ngoài đô thị.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi đổ trái phép rác, đất, cát, đá, vật liệu, chất phế thải ra đường phố.

- Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm đổ trái phép rác, đất, cát, đá, vật liệu, chất phế thải ra đường phố; đổ trái phép rác, đất, cát, đá, vật liệu, chất phế thải trong phạm vi đất dành cho đường bộ ở đoạn đường ngoài đô thị còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng.

- Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm: để dầu nhờn, hóa chất rơi vãi xuống đường bộ; chở hàng rời, chất thải, vật liệu xây dựng dễ rơi vãi mà không có mui, bạt che đậy hoặc có mui, bạt che đậy nhưng vẫn để rơi vãi; chở hàng hoặc chất thải để nước chảy xuống mặt đường gây mất an toàn giao thông và vệ sinh môi trường; lôi kéo bùn, đất, cát, nguyên liệu, vật liệu hoặc chất phế thải khác ra đường bộ gây mất an toàn giao thông và vệ sinh môi trường; đổ trái phép rác, đất, cát, đá, vật liệu, chất phế thải ra đường phố; đổ trái phép rác, đất, cát, đá, vật liệu, chất phế thải trong phạm vi đất dành cho đường bộ ở đoạn đường ngoài đô thị còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc phải thu dọn rác, chất phế thải, vật liệu, hàng hóa và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra; nếu gây ô nhiễm môi trường phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính gây ra.

**Câu 34. Nếu người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi vi phạm hành chính thì áp dụng hình phạt nào?**

Căn cứ [khoản 1 Điều 21 Nghị định 100/2019/NĐ-CP](https://luatvietnam.vn/noi-dung-thay-doi.html?anchor=khoan_21_1) (được sửa đổi bởi [Khoản 11 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Vi-pham-hanh-chinh/Nghi-dinh-100-2019-ND-CP-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-giao-thong-duong-bo-va-duong-sat-426369.aspx?anchor=khoan_11_2)) quy định về xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều kiện của người điều khiển xe cơ giới như sau:

*"1. Phạt cảnh cáo người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự xe mô tô hoặc điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô."*

Căn cứ [Điều 22 Nghị định 100/2019/NĐ-CP](https://luatvietnam.vn/noi-dung-thay-doi.html?anchor=dieu_22) quy định về hình thức xử phạt vi phạm hành chính cảnh cáo như sau:

*"Cảnh cáo được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không nghiêm trọng, có tình tiết giảm nhẹ và theo quy định thì bị áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo hoặc đối với mọi hành vi vi phạm hành chính do người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện. Cảnh cáo được quyết định bằng văn bản."*

Như vậy, người từ đủ 14 tuổi đến 16 tuổi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) thì chỉ phạt cảnh cáo, không bị phạt tiền.

**Câu 35. Nếu chủ xe mô tô, xe gắn máy giao xe cho người chưa đủ tuổi điều khiển xe có bị phạt vi phạm hành chính không?**

[Khoản 5 Điều 30 Nghị định 100/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Vi-pham-hanh-chinh/Nghi-dinh-100-2019-ND-CP-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-giao-thong-duong-bo-va-duong-sat-426369.aspx?anchor=khoan_30_5) (được sửa đổi bởi [Điểm d Khoản 17 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Vi-pham-hanh-chinh/Nghi-dinh-123-2021-ND-CP-sua-doi-Nghi-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-hang-hai-477975.aspx?anchor=khoan_17_2)) quy định phạt tiền từ 800.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 1.600.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với tổ chức là chủ xe mô tô, xe gắn máy và các loại xe tương tự xe mô tô thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Tự ý cắt, hàn, đục lại số khung, số máy; đưa phương tiện đã bị cắt, hàn, đục lại số khung, số máy trái quy định tham gia giao thông;

- Tẩy xóa, sửa chữa hoặc giả mạo hồ sơ đăng ký xe;

- Tự ý thay đổi khung, máy, hình dáng, kích thước, đặc tính của xe;

- Khai báo không đúng sự thật hoặc sử dụng các giấy tờ, tài liệu giả để được cấp lại biển số, Giấy đăng ký xe;

- Giao xe hoặc để cho người không đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 58 của Luật Giao thông đường bộ điều khiển xe tham gia giao thông (bao gồm cả trường hợp người điều khiển phương tiện có Giấy phép lái xe nhưng đã hết hạn sử dụng hoặc đang trong thời gian bị tước quyền sử dụng);

- Không chấp hành việc thu hồi Giấy đăng ký xe, biển số xe theo quy định;

- Đưa phương tiện không có Giấy đăng ký xe tham gia giao thông hoặc có nhưng đã hết hạn sử dụng; đưa phương tiện có Giấy chứng nhận đăng ký xe tạm thời, phương tiện có phạm vi hoạt động hạn chế tham gia giao thông quá thời hạn, tuyến đường, phạm vi cho phép

- Đưa phương tiện có Giấy đăng ký xe nhưng không do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc bị tẩy xóa tham gia giao thông; đưa phương tiện có Giấy đăng ký xe nhưng không đúng với số khung số máy của xe tham gia giao thông;

- Lắp đặt, sử dụng thiết bị thay đổi biển số trên xe trái quy định;

- Đưa phương tiện không gắn biển số (đối với loại xe có quy định phải gắn biển số) tham gia giao thông; đưa phương tiện gắn biển số không đúng với Giấy đăng ký xe hoặc gắn biển số không do cơ quan có thẩm quyền cấp tham gia giao thông."

Như vậy, chủ phương tiện giao xe cho người chưa đủ tuổi điều khiển xe sẽ bị phạt tiền từ 800.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

**Câu 36.** **Người điều khiển xe máy chuyên dùng không mang theo Giấy đăng ký xe khi tham gia giao thông thì bị xử phạt như thế nào?**

Khoản 1 Điều 22 Nghị định 100/2019/NĐ-CP về xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều kiện của người điều khiển xe máy chuyên dùng quy định phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Người điều khiển xe máy chuyên dùng không đúng độ tuổi hoặc tuổi không phù hợp với ngành nghề theo quy định;

- Người điều khiển xe máy chuyên dùng không mang theo bằng (hoặc chứng chỉ) điều khiển, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;

- Người điều khiển xe máy chuyên dùng không mang theo Giấy đăng ký xe;

- Người điều khiển xe máy chuyên dùng không mang theo Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với loại xe có quy định phải kiểm định).

Như vậy, với trường hợp người điều khiển xe máy chuyên dùng không mang theo Giấy đăng ký xe khi tham gia giao thông đường bộ bằng xe máy chuyên dùng thì sẽ bị xử phạt ở mức từ 100 nghìn đồng đến 01 triệu đồng.

**Câu 37. Người điều khiển xe ô tô chở hành khách đón hành khách không đúng nơi quy định thì bị xử phạt hành chính như thế nào?**

[Khoản 5 Điều 23 Nghị định 100/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Vi-pham-hanh-chinh/Nghi-dinh-123-2021-ND-CP-sua-doi-Nghi-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-hang-hai-477975.aspx?anchor=dieu_23) (được sửa đổi bởi khoản 34 và [khoản 36 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Vi-pham-hanh-chinh/Nghi-dinh-123-2021-ND-CP-sua-doi-Nghi-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-hang-hai-477975.aspx?anchor=dieu_23)) quy định phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Để người lên, xuống xe khi xe đang chạy;

- Sang nhượng hành khách dọc đường cho xe khác mà không được hành khách đồng ý; đe dọa, xúc phạm, tranh giành, lôi kéo hành khách; bắt ép hành khách sử dụng dịch vụ ngoài ý muốn;

- Xuống khách để trốn tránh sự kiểm tra, kiểm soát của người có thẩm quyền;

- Xếp hành lý, hàng hóa trên xe làm lệch xe;

*- Đón, trả hành khách không đúng nơi quy định trên những tuyến đường đã xác định nơi đón, trả khách hoặc dừng đón, trả hành khách quá thời gian quy định, trừ hành vi vi phạm quy định tại Điều này;*

- Đón, trả hành khách tại nơi cấm dừng, cấm đỗ, nơi đường cong tầm nhìn bị che khuất, trừ hành vi vi phạm quy định tại khoản 7a Điều này;

- Điều khiển xe vận chuyển khách du lịch, xe vận chuyển hành khách theo hợp đồng sử dụng hợp đồng bằng văn bản giấy không có hoặc không mang theo danh sách hành khách theo quy định, chở người không có tên trong danh sách hành khách hoặc vận chuyển không đúng đối tượng theo quy định (đối với xe kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng vận chuyển học sinh, sinh viên, cán bộ công nhân viên đi học, đi làm việc), không có hoặc không mang theo hợp đồng vận chuyển hoặc có hợp đồng vận chuyển nhưng không đúng theo quy định;

- Vận chuyển hành khách theo tuyến cố định không có hoặc không mang theo Lệnh vận chuyển hoặc có mang theo Lệnh vận chuyển nhưng không ghi đầy đủ thông tin, không có xác nhận của bến xe khách nơi đi, bến xe khách nơi đến theo quy định;

Như vậy, đối với hành vi người điều khiển xe ô tô chở hành khách đón hành khách không đúng nơi quy định thì bạn sẽ bị áp dụng mức phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

**Câu 38. Người điều khiển xe ô tô chở hành khách đón hành khách không đúng nơi quy định ngoài bị phạt tiền có bị xử phạt bổ sung hay không?**

Căn cứ theo quy định tại [điểm a khoản 8 Điều 23 Nghị định 100/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Vi-pham-hanh-chinh/Nghi-dinh-100-2019-ND-CP-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-giao-thong-duong-bo-va-duong-sat-426369.aspx?anchor=dieu_23), được sửa đổi bởi [điểm d khoản 12 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP](https://luatannam.vn/van-ban-phap-luat/luat-giao-thong-duong-bo-nam-2008?anchor=diem_d_12_2) quy định như sau:

Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

- Thực hiện hành vi quy định tại khoản 2, khoản 4 (trường hợp vượt trên 50% đến 100% số người quy định được phép chở của phương tiện); điểm c, điểm d, điểm e khoản 3; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm h, điểm i, điểm k, điểm l, điểm m, điểm o, điểm q khoản 5; khoản 6; điểm b khoản 7 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng;

- Thực hiện hành vi quy định tại khoản 7a Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng;

- Thực hiện hành vi quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều này (trường hợp vượt trên 100% số người quy định được phép chở của phương tiện) bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 03 tháng đến 05 tháng;

- Thực hiện hành vi quy định tại điểm e khoản 6, điểm b khoản 7 Điều này bị tịch thu phù hiệu (biển hiệu) đã hết giá trị sử dụng hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Như vậy, người điều khiển xe ô tô chở hành khách đón hành khách không đúng nơi quy định ngoài bị phạt tiền thì bạn còn bị tước bằng lái xe từ 01 đến 03 tháng.

**Câu 39.** **Người điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi lanh dưới 175 cm3 sử dụng giấy phép lái xe giả thì bị xử phạt thế nào?**

Khoản 11 [Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP](https://lawnet.vn/vb/nghi-dinh-1232021ndcp-sua-doi-nghi-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-hang-hai-74B17.html) sửa đổi Điều 21 [Nghị định 100/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Vi-pham-hanh-chinh/Nghi-dinh-123-2021-ND-CP-sua-doi-Nghi-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-hang-hai-477975.aspx?anchor=dieu_23) quy định người điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi lanh dưới 175 cm3 và các loại xe tương tự xe mô tô có hành vi không có Giấy phép lái xe hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, Giấy phép lái xe bị tẩy xóa thì bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng

Như vậy, trường hợp người điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi lanh dưới 175 cm3 sử dụng giấy phép lái xe giả (giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp) thì sẽ bị phạt tiền từ từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Đồng thời bị tích thu giấy phép lái xe giả.

**Câu 40. Người điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi lanh từ 175 cm3 trở lên sử dụng bằng lái giả thì bị xử phạt thế nào?**

Khoản 11 [Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Vi-pham-hanh-chinh/Nghi-dinh-123-2021-ND-CP-sua-doi-Nghi-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-hang-hai-477975.aspx) sửa đổi Điều 21  [Nghị định 100/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Vi-pham-hanh-chinh/Nghi-dinh-100-2019-ND-CP-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-giao-thong-duong-bo-va-duong-sat-426369.aspx?anchor=dieu_23) quy định phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi lanh từ 175 cm3 trở lên, xe mô tô ba bánh thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Có Giấy phép lái xe nhưng không phù hợp với loại xe đang điều khiển;

- Không có Giấy phép lái xe hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, Giấy phép lái xe bị tẩy xóa;

...

Như vậy, trường hợp người điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi lanh từ 175 cm3 trở lên sử dụng bằng lái giả (sử dụng Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp) thì sẽ bị phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Đồng thời bị tịch thu bằng lái giả.

**Câu 41. Điều khiển xe chở hàng siêu trường mà không có giấy phép lưu hành thì bị xử phạt như thế nào theo quy định pháp luật?**

Căn cứ theo [khoản 14 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Vi-pham-hanh-chinh/Nghi-dinh-100-2019-ND-CP-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-giao-thong-duong-bo-va-duong-sat-426369.aspx?anchor=khoan_14_2) sửa đổi Điều 25 Nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt người điều khiển xe ô tô thực hiện hành vi vi phạm quy định về vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng như sau:

- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: Chở hàng siêu trường, siêu trọng không có báo hiệu kích thước của hàng theo quy định; Không thực hiện đúng quy định trong Giấy phép lưu hành, trừ các hành vi vi phạm quy định tại khoản 2; điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều này.

- Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi chở hàng siêu trường, siêu trọng có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng nhưng kích thước bao ngoài của xe (sau khi đã xếp hàng lên xe) vượt quá quy định trong Giấy phép lưu hành.

- Phạt tiền từ 13.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: Chở hàng siêu trường, siêu trọng không có Giấy phép lưu hành hoặc có Giấy phép lưu hành nhưng đã hết giá trị sử dụng hoặc sử dụng Giấy phép lưu hành không do cơ quan có thẩm quyền cấp; Chở hàng siêu trường, siêu trọng có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng nhưng tổng trọng lượng (sau khi đã xếp hàng lên xe) vượt quá quy định trong Giấy phép lưu hành; Chở hàng siêu trường, siêu trọng có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng nhưng đi không đúng tuyến đường quy định trong Giấy phép lưu hành; Chở hàng siêu trường, siêu trọng có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng nhưng chở không đúng loại hàng quy định trong Giấy phép lưu hành."

Như vậy, người điều khiển xe ô tô chở hàng siêu trường không có Giấy phép lưu hành thì sẽ bị phạt tiền từ 13.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

**Câu 42. Xe ô tô tải trả hàng trên đường cao tốc bị camera thu hình lại thì bị phạt như thế nào?**

Theo điểm c, d khoản 13 Điều 2 [Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Vi-pham-hanh-chinh/Nghi-dinh-100-2019-ND-CP-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-giao-thong-duong-bo-va-duong-sat-426369.aspx?anchor=khoan_14_2) sửa đổi, bổ sung khoản 8 và điểm b khoản 9 [Điều 24 Nghị định 100/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/vi-pham-hanh-chinh/nghi-dinh-100-2019-nd-cp-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-giao-thong-duong-bo-va-duong-sat-426369.aspx) quy định về xử phạt người điều khiển xe ô tô tải, máy kéo (bao gồm cả rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo theo) và các loại xe tương tự xe ô tô vận chuyển hàng hóa vi phạm quy định về vận tải đường bộ như sau:

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.0000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi nhận, trả hàng trên đường cao tốc.

- Thực hiện hành vi nhận, trả hàng trên đường cao tốc bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng.

Như vậy, trường hợp xe ô tô tải trả hàng trên đường cao tốc sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.0000.

Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm nêu trên còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng.

**Câu 43. Xe vận chuyển hàng nguy hiểm có được dừng ở nơi đông người không? Nếu vi phạm thì mức xử phạt như thế nào?**

Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 78 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định thì xe vận chuyển hàng nguy hiểm không được dừng, đỗ ở nơi đông người, những nơi dễ xảy ra nguy hiểm.

Nếu vi phạm thì mức phạt khi vận chuyển hàng nguy hiểm dừng xe ở nơi đông người được quy định tại Điều 26 Nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định, cụ thể như sau:

Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Vận chuyển hàng nguy hiểm mà dừng xe, đỗ xe ở nơi đông người, khu dân cư, công trình quan trọng; không có báo hiệu hàng nguy hiểm theo quy định, trừ các hành vi vận chuyển hàng nguy hiểm không có giấy phép hoặc có nhưng không thực hiện đúng quy định trong giấy phép;

- Vận chuyển các chất gây ô nhiễm môi trường không theo đúng quy định về bảo vệ môi trường, trừ các hành vi vận chuyển hàng nguy hiểm không có giấy phép hoặc có nhưng không thực hiện đúng quy định trong giấy phép.

Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng.

Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, người thực hiện hành vi vi phạm nếu gây ô nhiễm môi trường còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính gây ra.”

Như vậy, trong trường hợp tài xế vi phạm lỗi chở hàng nguy hiểm dừng xe tại nơi đông người thì sẽ bị xử phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Ngoài ra, còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng và nếu gây ô nhiễm môi trường còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính gây ra.

**Câu 44. Xử phạt người điều khiển xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở phế thải, vật liệu rời và xe chở hàng khác thực hiện hành vi vi phạm quy định về hoạt động vận tải trong đô thị được quy định như thế nào?**

Điều 27 Nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định về việc xử phạt người điều khiển xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở phế thải, vật liệu rời và xe chở hàng khác thực hiện hành vi vi phạm quy định về hoạt động vận tải trong đô thị như sau:

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe không chạy đúng tuyến, phạm vi, thời gian quy định.

- Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng.

**Câu 45. Anh H mới mua 1 chiếc xe tải 3,5 tấn dùng để chở hàng hóa của gia đình. Anh H muốn hỏi, xe tải của mình có bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình hay không? Trường hợp bị cảnh sát giao thông phạt về lỗi không gắn thiết bị giám sát hành trình thì mức phạt là bao nhiêu theo pháp luật?**

Căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách, xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa và xe trung chuyển phải lắp thiết bị giám sát hành trình.

Theo đó, xe ô tô của bạn dùng để chở hàng hóa của gia đình để phục vụ việc buôn bán thuộc trường hợp kinh doanh vận tải hàng hóa thì phải lắp thiết bị giám sát hành trình.

Căn cứ theo quy định tại điểm đ Khoản 6, điểm a khoản 10 và điểm h Khoản 11 Điều 28 Nghị định 100/2019/NĐ-CP thì hành vi sử dụng phương tiện kinh doanh vận tải không gắn thiết bị giám sát hành trình của xe (đối với hình thức kinh doanh vận tải có quy định phương tiện phải gắn thiết bị) hoặc gắn thiết bị nhưng thiết bị không hoạt động, không đúng quy chuẩn theo quy định hoặc sử dụng biện pháp kỹ thuật, trang thiết bị ngoại vi, các biện pháp khác làm sai lệch dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô sẽ bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với tổ chức kinh doanh vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải.

Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung là bị tước quyền sử dụng phù hiệu (biển hiệu) từ 01 tháng đến 03 tháng (nếu có hoặc đã được cấp) đối với xe vi phạm;

Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả là buộc phải lắp đặt camera, thiết bị giám sát hành trình trên xe theo đúng quy định.

**Câu 46. Sản xuất, lắp ráp trái phép phương tiện giao thông cơ giới đường bộ bị phạt bao nhiêu tiền theo quy định của pháp luật?**

Theo khoản 16 [Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP](https://luatvietnam.vn/noi-dung-thay-doi.html?anchor=dieu_2) sửa đổi Điều 29 Nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt hành vi sản xuất, lắp ráp trái phép phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; sản xuất, bán biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trái phép như sau:

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 24.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi bán biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không phải là biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền sản xuất hoặc không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

- Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi sản xuất biển số trái phép hoặc sản xuất, lắp ráp trái phép phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

- Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu biển số, phương tiện sản xuất, lắp ráp trái phép.

- Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính.”.

Theo đó, Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi sản xuất biển số trái phép hoặc sản xuất, lắp ráp trái phép phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. Ngoài việc bị phạt tiền, còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu biển số, phương tiện sản xuất, lắp ráp trái phép.

**Câu 47. Chị X mua xe máy cũ để tiện đi làm, giá cả hợp lý. Tuy nhiên, do bận công tác nên chị X chưa làm thủ tục sang tên xe máy. Xin hỏi, trường hợp nếu không lamg thủ tục sang tên xe máy bị xử phạt như thế nào?**

Căn cứ theo [Điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định 100/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Vi-pham-hanh-chinh/Nghi-dinh-100-2019-ND-CP-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-giao-thong-duong-bo-va-duong-sat-426369.aspx?anchor=diem_30_4_a) quy định phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với cá nhân, từ 800.000 đồng đến 1.200.000 đồng đối với tổ chức là chủ xe mô tô, xe gắn máy và các loại xe tương tự xe mô tô thực hiện không làm thủ tục đăng ký sang tên xe (để chuyển tên chủ xe trong Giấy đăng ký xe sang tên của mình) theo quy định khi mua, được cho, được tặng, được phân bổ, được điều chuyển, được thừa kế tài sản là xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô....

Như vậy, mức xử phạt với lỗi không thực hiện sang tên xe đã được quy định rất rõ, việc xử phạt áp dụng đối với cả chủ phương tiện là cá nhân hoặc tổ chức. Mức phạt dao động từ 600.000 đồng đến 800.000 đối với chủ phương tiện xe là cá nhân và từ 800.000 đồng đến 1.200.000 đối với chủ phương tiện xe là tổ chức.

**Câu 48.** **T tham gia giao thông do vượt đèn đỏ nên bị cảnh sát giao thông yêu cầu dừng xe và kiểm tra giấy tờ. Do tự ý thay đổi màu sơn của xe không đúng với màu sơn ghi trong Giấy đăng ký xe, nên T đã bị lập biên bản cho 02 lỗi trên. Xin hỏi, lỗi tự ý thay đổi màu sơn của xe không đúng với màu sơn ghi trong Giấy đăng ký xe bị xử phạt như thế nào?**

Theo [khoản 1 Điều 30 Nghị định 100/2019/NĐ-CP](https://luatvietnam.vn/noi-dung-thay-doi.html?anchor=dieu_30) quy định về xử phạt chủ phương tiện vi phạm quy định liên quan đến giao thông đường bộ như sau:

*“1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với cá nhân, từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với tổ chức là chủ xe mô tô, xe gắn máy và các loại xe tương tự xe mô tô thực hiện hành vi tự ý thay đổi nhãn hiệu, màu sơn của xe không đúng với Giấy đăng ký xe.”*

Như vậy, tự ý thay đổi màu xe máy không thực hiện đăng ký lại giấy chứng nhận đăng ký xe có thể sẽ bị phạt với mức phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với cá nhân, từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với tổ chức.

Căn cứ [khoản 16 Điều 30 Nghị định 100/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Vi-pham-hanh-chinh/Nghi-dinh-100-2019-ND-CP-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-giao-thong-duong-bo-va-duong-sat-426369.aspx?anchor=dieu_30) (được bổ sung bởi [điểm s khoản 17 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Vi-pham-hanh-chinh/Nghi-dinh-123-2021-ND-CP-sua-doi-Nghi-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-hang-hai-477975.aspx?anchor=diem_s_17_2)) quy định về các biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

*"16. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:*

*a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 1; điểm m khoản 7 Điều này buộc phải khôi phục lại nhãn hiệu, màu sơn ghi trong Giấy đăng ký xe theo quy định;*

*b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này buộc phải thay thế thiết bị đủ tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật theo quy định (lắp đúng loại kính an toàn);*

*c) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 4a, điểm g khoản 8 Điều này buộc phải thực hiện đúng quy định về biển số, quy định về kẻ chữ trên thành xe và cửa xe;*

*d) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm e, điểm g khoản 9 Điều này buộc phải khôi phục lại hình dáng, kích thước, tình trạng an toàn kỹ thuật ban đầu của xe và đăng kiểm lại trước khi đưa phương tiện ra tham gia giao thông;*

*đ) Thực hiện hành vi quy định tại điểm h khoản 7, điểm d khoản 9, điểm a khoản 10, khoản 11, điểm a khoản 12 Điều này mà phương tiện đó có thùng xe, khối lượng hàng hóa cho phép chuyên chở không đúng theo quy định hiện hành thì còn bị buộc phải thực hiện điều chỉnh thùng xe theo đúng quy định hiện hành, đăng kiểm lại và điều chỉnh lại khối lượng hàng hóa cho phép chuyên chở ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành trước khi đưa phương tiện ra tham gia giao thông;*

*e) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm g, điểm h, điểm i khoản 7; điểm c khoản 8; điểm d, điểm đ khoản 9; điểm a khoản 10; khoản 11; khoản 12; khoản 13; khoản 14 Điều này nếu gây hư hại cầu, đường phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;*

*g) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4; điểm e, điểm g khoản 5; điểm c, điểm d, điểm l khoản 7; điểm b khoản 10 Điều này buộc phải làm thủ tục đăng ký xe, đăng ký sang tên, đổi lại, thu hồi Giấy đăng ký xe, biển số xe, Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định (trừ trường hợp bị tịch thu phương tiện).”*

Như vậy, hành vi tự ý thay đổi màu xe máy tham gia giao thông ngoài bị xử phạt tiền theo mức phạt nêu trên thì còn bị buộc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là phải khôi phục lại màu sơn ghi trong Giấy đăng ký xe theo quy định.

**Câu 49. Chị H đi xe khách từ L.C xuống H.N. Do bắt khách dọc đường nên số lượng người trên xe bị quá tải. Đi được ½ đường, lái xe và phụ xe đã chuyển chị H và một số hành khách sang một xe khác đi cùng chiều và gửi tiền xe cho xe khách đó. Chị H không đồng ý với hành động sang nhượng khách dọc đường cho xe khác như vậy. Xin hỏi việc tự ý sang nhượng hành khách thì lái xe và phụ xe đó có bị xử phạt không? Mức xử phạt như thế nào?**

Theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 68 [Luật giao thông đường bộ năm 2008](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Vi-pham-hanh-chinh/Nghi-dinh-100-2019-ND-CP-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-giao-thong-duong-bo-va-duong-sat-426369.aspx) quy định về nghĩa vụ vận tải hành khách bằng xe ô tô của người vận tải, người lái xe khách phải chấp hành là đón, trả hành khách đúng nơi quy định.”

Do đó,trường hợp lái xe và phụ xe tự ý chuyển chị H sang một xe khách khác mà không được sự đồng ý của chị là trái với quy định pháp luật.

Theo quy định tại điểm điểm b Khoản 5, điểm a Khoản 8 Điều 23 Nghị định 100/2019/NĐ-CP  về mức xử phạt đối với hành vi sang nhượng hành khách của lái xe  như sau:

*“Điều 23. Xử phạt người điều khiển xe ô tô chở hành khách, ô tô chở người vi phạm quy định về vận tải đường bộ*

*5.Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:*

*b) Sang nhượng hành khách dọc đường cho xe khác mà không được hành khách đồng ý; đe dọa, xúc phạm, tranh giành, lôi kéo hành khách; bắt ép hành khách sử dụng dịch vụ ngoài ý muốn;*

*8.Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:*

*a) Thực hiện hành vi quy định tại Khoản 2, Khoản 4 (trường hợp vượt trên 50% đến 100% số người quy định được phép chở của phương tiện); Điểm c, Điểm d, Điểm e Khoản 3; Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d, Điểm đ, Điểm e, Điểm h, Điểm i, Điểm k, Điểm l, Điểm m Khoản 5; Khoản 6; Khoản 7 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng;”*

Bên cạnh đó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 31 Nghị định 100/2019/NĐ-CP về xử phạt hành vi sang nhượng hành khách của nhân viên phục vụ trên xe như sau:

*“Điều 31. Xử phạt nhân viên phục vụ trên xe buýt, xe vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, xe vận chuyển hành khách theo hợp đồng, xe vận chuyển khách du lịch vi phạm quy định về trật tự an toàn giao thông*

*4. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:*

*a) Sang nhượng hành khách dọc đường cho xe khác mà không được hành khách đồng ý; đe dọa, xúc phạm, tranh giành, lôi kéo hành khách; bắt ép hành khách sử dụng dịch vụ ngoài ý muốn;*

Như vậy**,** trong trường hợp này, người lái xe xe khách chạy tuyến cố định bị xử phạt từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng và bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng; Phụ xe xe khách bị xử phạt từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

**Câu 50.** **Hành khách đi xe vi phạm quy định về trật tự an toàn giao thông thì bị xử phạt như thế nào?**

Điều 32, Nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Không chấp hành hướng dẫn của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe về các quy định bảo đảm trật tự, an toàn giao thông;

- Gây mất trật tự trên xe.

Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Mang hóa chất độc hại, chất dễ cháy, nổ, hàng nguy hiểm hoặc hàng cấm lưu thông trên xe khách;

- Đu, bám vào thành xe; đứng, ngồi, nằm trên mui xe, nóc xe, trong khoang chở hành lý; tự ý mở cửa xe hoặc có hành vi khác không bảo đảm an toàn khi xe đang chạy.

Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi đe dọa, xâm phạm sức khỏe của người khác đi trên xe, lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

Ngoài việc bị phạt tiền, người thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu hóa chất độc hại, chất dễ cháy, nổ, hàng nguy hiểm, hàng cấm lưu thông mang theo trên xe chở khách.

**Câu 51. Khi tham gia giao thông, người điều khiển máy kéo (kể cả rơ moóc được kéo theo), xe máy chuyên dùng mà xe không có hệ thống hãm hoặc có hệ thống hãm nhưng không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật; điều khiển xe có hệ thống chuyển hướng không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật thì bị xử phạt như thế nào?**

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, khi tham gia giao thông, người điều khiển máy kéo (kể cả rơ moóc được kéo theo), xe máy chuyên dùng mà xe không có hệ thống hãm hoặc có hệ thống hãm nhưng không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật; điều khiển xe có hệ thống chuyển hướng không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật thì bị phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng.

Đồng thời, theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt tiền, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: buộc phải lắp đầy đủ thiết bị hoặc thay thế thiết bị đủ tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật hoặc khôi phục lại tính năng kỹ thuật của thiết bị theo quy định.

**Câu 52. Trong quá trình đi tập thể dục sáng sớm, người dân ở khu phố tôi phát hiện một chiếc xe tải chạy lại đổ đất, đá ra đường phố của khu phố của chúng tôi. Chúng tôi đã báo chính quyền xử lý. Hỏi người điều khiển xe thực hiện hành vi đổ trái phép rác, đất, cát, đá, vật liệu, chất thải ra đường phố thì bị xử phạt như thế nào?**

Theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, người điều khiển xe thực hiện hành vi đổ trái phép rác, đất, cát, đá, vật liệu, chất thải ra đường phố bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Ngoài ra, theo quy đinh tại khoản 5, khoản 6 Điều 20 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, họ còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc phải thu dọn rác, chất phế thải, vật liệu, hàng hóa và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra; nếu gây ô nhiễm môi trường phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính gây ra.

**Câu 53. Cháu tôi năm nay mới 17 tuổi nhưng lại mượn ô tô của tôi để lái, tham gia giao thông. Hỏi hành vi lái xe ô tô của cháu tôi có bị xử phạt không?**

Hành vi của cháu bạn là hành vi điều khiển xe ô tô tham gia giao thông khi chưa đủ tuổi cho phép. Theo quy định tại khoản 6 Điều 21 Nghị định 100/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 11 Điều 2 Nghị định 123/2021) thì người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi điều khiển xe ô tô, máy kéo, các loại xe tương tự xe ô tô sẽ bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng.

**Câu 54. Người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô sử dụng Giấy phép lái xe không hợp lệ (Giấy phép lái xe có số phôi ghi ở mặt sau không trùng với số phôi được cấp mới nhất trong hệ thống thông tin quản lý Giấy phép lái xe) thì bị xử phạt như thế nào?**

Theo quy định tại điểm c khoản 8 và điểm b khoản 10 Điều 21 Nghị định 100/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 11 Điều 2 Nghị định 123/2021) thì, người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô sử dụng Giấy phép lái xe không hợp lệ (Giấy phép lái xe có số phôi ghi ở mặt sau không trùng với số phôi được cấp mới nhất trong hệ thống thông tin quản lý Giấy phép lái xe) sẽ bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Ngoài việc bị phạt tiền, họ còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe được cấp mới nhất trong hệ thống thông tin quản lý Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng.

**Câu 55. Trường hợp người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô sử dụng Giấy phép lái xe không hợp lệ, không do cơ quan có thẩm quyền cấp thì bị xử phạt như thế nào?**

Theo quy định tại điểm b khoản 9 và điểm a khoản 10 Điều 21 Nghị định 100/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 11 Điều 2 Nghị định 123/2021) thì trường hợp người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô mà sử dụng Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp thì sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng, ngoài ra còn bị tịch thu Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, Giấy phép lái xe không hợp lệ.

**Câu 56. Khi tôi đi ô tô khách chạy tuyến Hà Nội – Quảng Bình (khoảng cách trên 300km) thường bắt gặp tình trạng, người điều khiển xe ô tô chở hành khách loại xe 45 chỗ nhưng lại chở quá số người quy định, xe nhồi nhét rất đông, chật chội. Hỏi hành vi của người điều khiển xe khách loại 45 chỗ đó có bị xử phạt như thế nào?**

Tại khoản 4 Điều 23 Nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định: *“Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng trên mỗi người vượt quá quy định được phép chở của phương tiện nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 40.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô chở hành khách chạy tuyến có cự ly lớn hơn 300 km thực hiện hành vi vi phạm: Chở quá từ 02 người trở lên trên xe đến 9 chỗ, chở quá từ 03 người trở lên trên xe 10 chỗ đến xe 15 chỗ, chở quá từ 04 người trở lên trên xe 16 chỗ đến xe 30 chỗ, chở quá từ 05 người trở lên trên xe trên 30 chỗ”*.

Do đó, trường hợp này, nếu người điều khiển xe khách loại 45 chỗ đó đã chở quá từ 05 người trở lên thì họ sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng trên mỗi người vượt quá nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 40.000.000 đồng. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 8 và khoản 9 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, người điểu khiển xe khách đó còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng (đối với trường hợp vượt trên 50% đến 100% số người quy định được phép chở của phương tiện) hoặc từ 03 tháng đến 05 tháng (đối với trường hợp vượt trên 100% số người quy định được phép chở của phương tiện); đồng thời, buộc phải bố trí phương tiện khác để chở số hành khách vượt quá quy định được phép chở của phương tiện.

**Câu 57. Người điều khiển xe tham gia kinh doanh vận tải hành khách không gắn thiết bị giám sát hành trình của xe theo quy định hoặc có gắn thiết bị giám sát hành trình của xe nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định hoặc sử dụng biện pháp kỹ thuật, trang thiết bị ngoại vi, các biện pháp khác làm sai lệch dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô thì bị xử phạt như thế nào?**

Theo quy định tại điểm đ khoản 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 12 Điều 2 Nghị định 123/2021) thì trường hợp người điều khiển xe tham gia kinh doanh vận tải hành khách không gắn thiết bị giám sát hành trình của xe theo quy định hoặc có gắn thiết bị giám sát hành trình của xe nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định hoặc sử dụng biện pháp kỹ thuật, trang thiết bị ngoại vi, các biện pháp khác làm sai lệch dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô sẽ bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Đồng thời, theo quy đinh tại điểm a khoản 8 Điều 23 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, họ còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng.

**Câu 58. Người điều khiển xe chở hành khách không có hoặc không gắn phù hiệu (biển hiệu) theo quy định hoặc có nhưng đã hết giá trị sử dụng hoặc sử dụng phù hiệu (biển hiệu) không do cơ quan có thẩm quyền cấp thì bị xử phạt như thế nào?**

Theo quy định tại điểm b khoản 7 và điểm a, điểm d khoản 8 Nghị định 100/2019/NĐ-CP thì trường hợp người điều khiển điều khiển xe chở hành khách không có hoặc không gắn phù hiệu (biển hiệu) theo quy định hoặc có nhưng đã hết giá trị sử dụng hoặc sử dụng phù hiệu (biển hiệu) không do cơ quan có thẩm quyền cấp sẽ bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Đồng thời, họ còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng, bị tịch thu phù hiệu (biển hiệu) đã hết giá trị sử dụng hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp.

**Câu 59. Khi tôi đang lái xe trên đường cao tốc thì thấy có một chiếc xe ô tô chở hành khách thực hiện hành vi đón, trả hành khách trên đường cao tốc. Hỏi hành vi đó bị xử phạt như thế nào?**

Theo quy định tại điểm c, điểm b Điều 2 Nghị định 123/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 100/2019 thì, người điều khiển xe thực hiện hành vi đón, trả hành khách trên đường cao tốc sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng và bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng.

**Câu 60. Người điều khiển xe tham gia kinh doanh vận tải hàng hóa không gắn thiết bị giám sát hành trình của xe theo quy định thì bị xử phạt như thế nào?**

Theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 24 Nghị định 100/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 13 Điều 2 Nghị định 123/2021) thì trường hợp người điều khiển xe tham gia kinh doanh vận tải hàng hóa không gắn thiết bị giám sát hành trình của xe theo quy định sẽ bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng và bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng. Đồng thời, theo quy đinh tại điểm a khoản 9 Điều 24 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, họ còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng.

**Câu 61. Người điều khiển xe ô tổ chở hàng siêu trường, siêu trọng không có Giấy phép lưu hành thì bị xử phạt như thế nào?**

Theo quy định tại điểm a khoản 3, điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều 25 Nghị định 100/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 14 Điều 2 Nghị định 123/2021) thì, người điều khiển xe ô tổ chở hàng siêu trường, siêu trọng không có Giấy phép lưu hành sẽ bị phạt tiền từ 13.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng; đồng thời, họ còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng; trường hợp nếu gây hư hại cầu, đường còn bị buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.

**Câu 62. Trường hợp sử dụng xe taxi chở hành khách không gắn hộp đèn với chữ "TAXI" trên nóc xe hoặc không niêm yết cụm từ “XE TAXI” trên kính phía trước, kính phía sau xe theo quy định sẽ bị xử phạt như thế nào?**

Theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 28 Nghị định 100/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi điểm d khoản 15 Điều 2 Nghị định 123/2021) thì tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi sử dụng xe taxi chở hành khách không gắn hộp đèn với chữ "TAXI" trên nóc xe hoặc không niêm yết cụm từ “XE TAXI” trên kính phía trước, kính phía sau xe theo quy định sẽ phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với tổ chức kinh doanh vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải.

Ngoài ra theo quy định tại điểm a khoản 10 và điểm b khoản 11 Điều 28 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị tước quyền sử dụng phù hiệu (biển hiệu) từ 01 tháng đến 03 tháng (nếu có hoặc đã được cấp) đối với xe vi phạm; buộc phải gắn hộp đèn với chữ “TAXI” hoặc buộc phải niêm yết cụm từ “XE TAXI” theo đúng quy định.

**Câu 63. Hành vi sản xuất biển số trái phép hoặc sản xuất, lắp ráp trái phép phương tiện giao thông cơ giới đường bộ bị xử phạt như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 29 Nghị định 100/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 16 Điều 2 Nghị định 123/2021) thì, tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi sản xuất biển số trái phép hoặc sản xuất, lắp ráp trái phép phương tiện giao thông cơ giới đường bộ sẽ bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với tổ chức.

Ngoài ra, tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị tịch thu biển số, phương tiện sản xuất, lắp ráp trái phép và bị buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính.

**Câu 64. Tôi được bố mẹ cho lại chiếc xe máy nhãn hiệu SH nhưng tôi không làm thủ tục đăng ký sang tên xe theo quy định thì có bị xử phạt không?**

Theo điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định:

*“**4. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với cá nhân, từ 800.000 đồng đến 1.200.000 đồng đối với tổ chức là chủ xe mô tô, xe gắn máy và các loại xe tương tự xe mô tô thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:*

*a) Không làm thủ tục đăng ký sang tên xe (để chuyển tên chủ xe trong Giấy đăng ký xe sang tên của mình) theo quy định khi mua, được cho, được tặng, được phân bổ, được điều chuyển, được thừa kế tài sản là xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô;*…”. Do đó, trường hợp này, bạn sẽ bị phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng .

**Câu 65. Tự ý thay đổi màu sơn của xe ô tô không đúng với màu sơn ghi trong Giấy đăng ký xe bị xử phạt như thế nào?**

Theo quy định tại điểm m khoản 7 và điểm a khoản 16 Điều 30 Nghị định 100/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại điểm g và điểm s khoản 17 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP) thì trường hợp tự ý thay đổi màu sơn của xe ô tô không đúng với màu sơn ghi trong Giấy đăng ký xe sẽ bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với tổ chức là chủ xe ô tô; ngoài ra còn bị buộc phải khôi phục lại nhãn hiệu, màu sơn ghi trong Giấy đăng ký xe theo quy định.

**Câu 66. Anh/chị hãy cho biết mức xử phạt người điều khiển xe bánh xích; xe quá tải trọng, chở hàng vượt khổ giới hạn của cầu, đường ghi trong Giấy phép lưu hành?**

Theo khoản 18 Điều 2 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng (sau đây gọi là Nghị định số 123/2021/NĐ-CP) sửa đổi khoản 3 Điều 33 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt (sau đây gọi là Nghị định số 100/2019/NĐ-CP) quy định xử lý phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với người điều khiển xe bánh xích; xe quá tải trọng, chở hàng vượt khổ giới hạn của cầu, đường ghi trong Giấy phép lưu hành hoặc thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Điều khiển xe bánh xích tham gia giao thông không có Giấy phép lưu hành hoặc có Giấy phép lưu hành nhưng không còn giá trị sử dụng theo quy định hoặc lưu thông trực tiếp trên đường mà không thực hiện biện pháp bảo vệ đường theo quy định;

- Điều khiển xe vượt quá khổ giới hạn của cầu, đường hoặc chở hàng vượt khổ giới hạn của cầu, đường tham gia giao thông, trừ trường hợp có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng.

**Câu 67. Anh/chị hãy cho biết mức xử phạt người điều khiển xe có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng nhưng đi không đúng tuyến đường quy định trong Giấy phép lưu hành?**

Theo khoản 18 Điều 2 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi khoản 4 Điều 33 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định xử lý phạt tiền từ 13.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với người điều khiển xe có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng nhưng đi không đúng tuyến đường quy định trong Giấy phép lưu hành:

- Điều khiển xe mà tổng trọng lượng (khối lượng toàn bộ) của xe hoặc tải trọng trục xe (bao gồm cả hàng hóa xếp trên xe, người được chở trên xe) vượt quá tải trọng cho phép của cầu, đường trên 20% đến 50%, trừ trường hợp có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng;

- Điều khiển xe có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng nhưng tổng trọng lượng (khối lượng toàn bộ) của xe hoặc tải trọng trục xe (bao gồm cả hàng hóa xếp trên xe nếu có) vượt quá quy định trong Giấy phép lưu hành;

**Câu 68. Anh/chị hãy cho biết mức phạt đối với người điều khiển xe cơ giới gắn biển nước ngoài khi lưu thông trên lãnh thổ Việt Nam nhưng Giấy tờ của phương tiện không có bản dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Việt theo quy định?**

Theo khoản 20 Điều 2 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi khoản 1 Điều 35 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định khung xử phạt dành cho người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ gắn biển số nước ngoài nhưng Giấy tờ của phương tiện không có bản dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Việt theo là từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

Ngoài ra, khung hình phạt này còn được áp dụng cho người điều khiển xe cơ giới gắn biển nước ngoài nhưng thực hiện chở khách mà không có danh sách hành khách theo quy định.

**Câu 69. Anh chị hãy cho biết chế tài xử lý đối với người điều khiển xe cơ giới gắn biển nước ngoài nhưng không gắn ký hiệu phân biệt quốc gia theo quy định khi lưu hành trên lãnh thổ Việt Nam ?**

Theo khoản 20 Điều 2 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi khoản 2 Điều 35 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP thì tài xế điều khiển xe cơ giới gắn biển nước ngoài nhưng không gắn ký hiệu phân biệt quốc gia theo quy định khi lưu hành trên lãnh thổ Việt Nam sẽ bị xử phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

Ngoài ra, khung hình phạt này còn được áp dụng đối với người điều khiển xe cơ giới gắn biển nước ngoài nhưng thực hiện một trong các hành vi sau:

- Điều khiển phương tiện không có Giấy phép vận tải quốc tế, phù hiệu vận tải quốc tế liên vận theo quy định hoặc có nhưng đã hết giá trị sử dụng;

- Vận chuyển hành khách hoặc hàng hóa không đúng với quy định tại Hiệp định vận tải đường bộ, Nghị định thư đã ký kết, trừ các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này.

**Câu 70. Anh chị hãy cho biết chế tài xử lý đối với người điều khiển xe cơ giới gắn biển nước ngoài là xe có tay lái bên phải, xe ô tô hoặc xe mô tô của người nước ngoài vào Việt Nam du lịch tham gia giao thông mà không có xe dẫn đường theo quy định ?**

Theo khoản 20 Điều 2 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi khoản 3 Điều 35 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP thì tài xế điều khiển xe cơ giới gắn biển nước ngoài nhưng là xe có tay lái bên phải, xe ô tô hoặc xe mô tô của người nước ngoài vào Việt Nam du lịch tham gia giao thông mà không có xe dẫn đường theo quy định sẽ bị xử phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, khung hình phạt này còn được áp dụng đối với người điều khiển xe cơ giới gắn biển nước ngoài nhưng thực hiện một trong các hành vi sau:

- Điều khiển phương tiện không gắn biển số tạm thời hoặc gắn biển số tạm thời không do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có quy định phải gắn biển số tạm thời);

- Điều khiển xe ô tô có tay lái bên phải, xe ô tô gắn biển số nước ngoài tham gia giao thông mà người điều khiển xe không đúng quốc tịch theo quy định.

**Câu 71. Anh chị hãy cho biết chế tài xử lý đối với người điều khiển xe cơ giới gắn biển nước ngoài hoạt động quá phạm vi được phép hoạt động ?**

Theo khoản 20 Điều 2 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi khoản 4 Điều 35 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP thì tài xế điều khiển xe cơ giới gắn biển nước ngoài nhưng hoạt động quá phạm vi được phép hoạt động sẽ bị xử phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

Ngoài ra, khung hình phạt này còn được áp dụng đối với người điều khiển xe cơ giới gắn biển nước ngoài nhưng lưu hành phương tiện trên lãnh thổ Việt Nam quá thời hạn quy định dưới 30 ngày.

**Câu 72. Anh/chị hãy cho biết việc xử phạt đối với giáo viên dạy lái xe không đeo phù hiệu “Giáo viên dạy lái xe” khi giảng dạy ?**

Theo khoản 1 Điều 37 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định mức phạt tiền từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng đối với giáo viên không đeo phù hiệu “Giáo viên dạy lái xe” khi giảng dạy lái xe hoặc thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Giáo viên dạy thực hành để học viên không có phù hiệu “Học viên tập lái xe” lái xe tập lái hoặc có phù hiệu nhưng không đeo khi lái xe tập lái;

- Giáo viên dạy thực hành chở người, hàng trên xe tập lái trái quy định;

- Giáo viên dạy thực hành chạy sai tuyến đường trong Giấy phép xe tập lái; không ngồi bên cạnh để bảo trợ tay lái cho học viên thực hành lái xe (kể cả trong sân tập lái và ngoài đường giao thông công cộng);

- Không có giáo án của môn học được phân công giảng dạy theo quy định hoặc có giáo án nhưng không phù hợp với môn được phân công giảng dạy;

- Giáo viên dạy thực hành không mang theo Giấy phép xe tập lái hoặc mang theo Giấy phép xe tập lái đã hết giá trị sử dụng.

**Câu 73. Anh/chị hãy cho biết chế tài xử lý đối với cơ sở đào tạo lái xe khi sử dụng xe tập lái không có mui che mưa, nắng để thực hiện đào tạo ?**

Theo khoản 2 Điều 37 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định mức phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với cơ sở đào tạo lái xe khi sử dụng xe tập lái không có mui che mưa, nắng hoặc thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Không có ghế ngồi gắn chắc chắn trên thùng xe cho người học theo quy định;

- Không thực hiện việc ký hợp đồng đào tạo, thanh lý hợp đồng đào tạo với người học lái xe theo quy định hoặc có ký hợp đồng đào tạo, thanh lý hợp đồng đào tạo nhưng không do người học lái xe trực tiếp ký;

- Không công khai quy chế tuyển sinh, quản lý đào tạo và mức thu học phí theo quy định.

- Và bổ sung hành vi tổ chức đào tạo cho học viên chưa có đủ hồ sơ của người học lái xe theo quy định tại khoản 21 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP.

**Câu 74. Anh/chị hãy cho biết khung hình phạt đối với cơ sở đào tạo lái xe sử dụng xe tập lái không trang bị thêm bộ phận hãm phụ hoặc có nhưng không có tác dụng ?**

Theo khoản 3 Điều 37 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định mức phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cơ sở đào tạo lái xe sử dụng xe tập lái không trang bị thêm bộ phận hãm phụ hoặc có nhưng không có tác dụng hoặc thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Cơ sở đào tạo lái xe không bố trí giáo viên dạy thực hành ngồi bên cạnh để bảo trợ tay lái cho học viên thực hành lái xe; bố trí giáo viên không đủ tiêu chuẩn để giảng dạy;

- Cơ sở đào tạo lái xe sử dụng xe tập lái không có “Giấy phép xe tập lái” hoặc có nhưng hết hạn, không gắn biển xe "Tập lái" trên xe theo quy định, không ghi tên cơ sở đào tạo, số điện thoại ở mặt ngoài hai bên cánh cửa hoặc hai bên thành xe theo quy định;

- Cơ sở đào tạo lái xe tuyển sinh học viên không đủ điều kiện về độ tuổi, sức khỏe, trình độ văn hóa, thâm niên, số km lái xe an toàn tương ứng với từng hạng đào tạo; tuyển sinh học viên không đủ hồ sơ theo quy định;

- Cơ sở đào tạo lái xe không có đủ số lượng giáo viên dạy thực hành lái xe các hạng để đáp ứng với lưu lượng thực tế đào tạo tại các thời điểm;

- Cơ sở đào tạo lái xe không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ hồ sơ theo quy định của 01 khóa đào tạo;

- Cá nhân khai báo không đúng sự thật hoặc sử dụng các giấy tờ, tài liệu giả để được học, kiểm tra, sát hạch cấp mới, cấp lại Giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;

- Trung tâm sát hạch lái xe không duy trì đủ các điều kiện quy định trong “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ”, trừ các hành vi vi phạm quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 7 Điều này;

- Trung tâm sát hạch lái xe không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ hồ sơ theo quy định của 01 kỳ sát hạch lái xe;

- Người dự sát hạch mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết, lên xe sát hạch hoặc có hành vi gian dối khác làm sai lệch kết quả sát hạch.

**Câu 75. Anh/chị hãy cho biết mức phạt đối với cơ sở đào tạo lái xe bố trí số lượng học viên tập lái trên xe tập lái vượt quá quy định ?**

Theo khoản 4 Điều 37 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định mức phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cơ sở đào tạo lái xe, trung tâm sát hạch lái xe bố trí số lượng học viên tập lái trên xe tập lái vượt quá quy định hoặc thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Cơ sở đào tạo lái xe tổ chức tuyển sinh, đào tạo vượt quá lưu lượng quy định trong Giấy phép đào tạo lái xe;

- Cơ sở đào tạo lái xe tổ chức đào tạo lái xe ngoài địa điểm được ghi trong Giấy phép đào tạo lái xe;

- Cơ sở đào tạo lái xe không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ hồ sơ theo quy định của 02 khóa đào tạo trở lên;

- Cơ sở đào tạo lái xe không có đủ hệ thống phòng học; phòng học không đủ trang thiết bị, mô hình học cụ;

- Cơ sở đào tạo lái xe không có đủ sân tập lái hoặc sân tập lái không đủ điều kiện theo quy định;

- Cơ sở đào tạo lái xe không có đủ số lượng xe tập lái các hạng để đáp ứng với lưu lượng đào tạo thực tế tại các thời điểm hoặc sử dụng xe tập lái không đúng hạng để dạy thực hành lái xe;

- Trung tâm sát hạch lái xe không niêm yết mức thu phí sát hạch, giá các dịch vụ khác theo quy định;

- Cơ sở đào tạo lái xe không có đủ thiết bị giám sát thời gian học lý thuyết, thời gian, quãng đường học thực hành lái xe của học viên hoặc có các thiết bị đó nhưng không hoạt động theo quy định;

- Trung tâm sát hạch lái xe không có hệ thống âm thanh thông báo công khai lỗi vi phạm của thí sinh sát hạch lái xe trong hình theo quy định hoặc có hệ thống âm thanh thông báo nhưng không hoạt động theo quy định trong quá trình sát hạch lái xe trong hình;

- Trung tâm sát hạch lái xe không có đủ màn hình để công khai hình ảnh giám sát phòng sát hạch lý thuyết, kết quả sát hạch lái xe theo quy định hoặc có đủ màn hình nhưng không hoạt động theo quy định trong quá trình sát hạch.

**Câu 76. Anh/chị hãy cho biết mức phạt đối với cơ sở đào tạo lái xe không đúng nội dung, chương trình, giáo trình theo quy định?**

Theo khoản 5 Điều 37 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định mức phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với Cơ sở đào tạo lái xe đào tạo không đúng nội dung, chương trình, giáo trình theo quy định hoặc thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Cơ sở đào tạo lái xe tổ chức tuyển sinh, đào tạo không đúng hạng Giấy phép lái xe được phép đào tạo;

- Cơ sở đào tạo lái xe cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp hoặc chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo cho học viên sai quy định;

- Cơ sở đào tạo lái xe sử dụng biện pháp kỹ thuật, trang thiết bị ngoại vi, các biện pháp khác để can thiệp vào quá trình hoạt động làm sai lệch dữ liệu của thiết bị giám sát thời gian học lý thuyết, thời gian, quãng đường học thực hành lái xe;

- Trung tâm sát hạch lái xe không lắp đủ camera giám sát phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch theo quy định hoặc có lắp camera giám sát nhưng không hoạt động theo quy định;

- Trung tâm sát hạch lái xe có trên 50% số xe sát hạch lái xe trong hình không bảo đảm điều kiện để sát hạch theo quy định;

- Trung tâm sát hạch lái xe có trên 50% số xe sát hạch lái xe trên đường không bảo đảm điều kiện để sát hạch theo quy định;

- Trung tâm sát hạch lái xe có trên 50% số máy tính sát hạch lý thuyết không bảo đảm điều kiện để sát hạch theo quy định;

- Trung tâm sát hạch lái xe tự ý di chuyển vị trí các phòng chức năng hoặc thay đổi hình các bài sát hạch mà chưa được chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

- Trung tâm sát hạch lái xe không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ hồ sơ theo quy định của 02 kỳ sát hạch lái xe trở lên.

**Câu 77. Anh/chị hãy cho biết mức phạt đối với cơ sở đào tạo lái xe sử dụng máy tính trong kỳ sát hạch lý thuyết có đáp án của câu hỏi sát hạch lý thuyết hoặc kết nối với đường truyền ra ngoài phòng thi trái quy định?**

Theo khoản 7 Điều 37 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định mức phạt tiền từ 16.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trung tâm sát hạch lái xe sử dụng máy tính trong kỳ sát hạch lý thuyết có đáp án của câu hỏi sát hạch lý thuyết hoặc kết nối với đường truyền ra ngoài phòng thi trái quy định hoặc thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Tự ý thay đổi hoặc sử dụng phần mềm sát hạch, thiết bị chấm điểm, chủng loại xe ô tô sát hạch khi chưa được sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

- Để phương tiện, trang thiết bị chấm điểm hoạt động không chính xác trong kỳ sát hạch; để các dấu hiệu, ký hiệu trái quy định trên sân sát hạch, xe sát hạch trong kỳ sát hạch.

**Câu 78. Anh/chị hãy cho biết mức phạt đối với Trung tâm đăng kiểm không thực hiện kiểm định phương tiện theo đúng thẩm quyền được giao?**

Theo khoản 2 Điều 38 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định mức phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với Trung tâm đăng kiểm không thực hiện kiểm định phương tiện theo đúng thẩm quyền được giao hoặc thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Không công khai các thủ tục, quy trình kiểm định tại trụ sở đơn vị theo quy định;

- Sử dụng đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ không có đủ điều kiện theo quy định;

- Thực hiện kiểm định mà không bảo đảm đầy đủ các trang thiết bị, dụng cụ kiểm định, bảo hộ lao động theo quy định;

- Không bố trí đủ số lượng đăng kiểm viên tối thiểu trên dây chuyền kiểm định;

- Thực hiện kiểm định, cấp giấy chứng nhận kiểm định vượt quá số lượng phương tiện theo quy định đối với mỗi dây chuyền kiểm định.

**Câu 79. Anh/chị hãy cho biết mức phạt đối với Trung tâm đăng kiểm không thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát quá trình kiểm định, kết quả kiểm định theo quy định ?**

Theo khoản 3 Điều 38 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định mức phạt tiền 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với Trung tâm đăng kiểm không thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát quá trình kiểm định, kết quả kiểm định theo quy định hoặc thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Thực hiện kiểm định khi tình trạng thiết bị, dụng cụ kiểm định chưa được xác nhận hoặc xác nhận không còn hiệu lực để bảo đảm tính chính xác theo quy định;

- Thực hiện kiểm định khi tình trạng thiết bị, dụng cụ kiểm định đã bị hư hỏng không bảo đảm tính chính xác theo quy định;

- Không lưu trữ dữ liệu kiểm định theo quy định.

**Câu 80 Anh/chị hãy cho biết mức phạt đối với tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, tổ chức được giao quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng mà không ban hành chế độ kiểm tra, bảo trì hệ thống kết nối tín hiệu thuộc phạm vi quản lý theo quy định ?**

Theo khoản 3 Điều 39 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định mức phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đối với tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, tổ chức được giao quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng mà không ban hành chế độ kiểm tra, bảo trì hệ thống kết nối tín hiệu thuộc phạm vi quản lý theo quy định hoặc thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Không lắp đặt, lắp đặt không đúng, không đủ, không duy trì hoạt động bình thường hệ thống báo hiệu, tín hiệu, thiết bị tại đường ngang, cầu chung, không tổ chức thực hiện phòng vệ theo quy định;

- Không thông báo kịp thời, không phối hợp với lực lượng chức năng điều hành giao thông để bảo đảm an toàn giao thông qua đường ngang khi xảy ra sự cố hư hỏng đèn báo hiệu trên đường bộ tại đường ngang thuộc phạm vi quản lý;

- Không lập kế hoạch xây dựng, bảo trì công trình, thiết bị hệ thống kết nối tín hiệu thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

**Câu 81. Anh/chị hãy cho biết việc xử phạt đối với nhân viên khám xe để toa xe không bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường nối vào đoàn tàu ?**

Tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP đã nêu rõ mức phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với nhân viên khám xe để toa xe không bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường nối vào đoàn tàu hoặc thực hiện một số hành vi sau:

- Không thực hiện việc khám, sửa chữa đoàn tàu đi, đến hoặc thực hiện khám, sửa chữa đoàn tàu đi, đến không đúng, không đủ nội dung theo quy định;

- Tiến hành sửa chữa toa xe trên đường sắt trong ga khi chưa thực hiện biện pháp phòng vệ theo quy định;

- Không phát hiện hoặc phát hiện nhưng không sửa chữa kịp thời các hư hỏng của toa xe gây chậm tàu.

**Câu 82. Anh/chị hãy cho biết việc xử phạt đối với nhân viên điều độ chạy tàu ga, trực ban chạy tàu ga lập tàu có ghép nối toa xe vận tải động vật, hàng hóa có mùi hôi thối, chất dễ cháy, dễ nổ, độc hại, hàng nguy hiểm khác vào tàu khách ?**

Tại khoản 3 Điều 40 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP đã nêu rõ mức phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với nhân viên điều độ chạy tàu ga, trực ban chạy tàu ga lập tàu có ghép nối toa xe vận tải động vật, hàng hóa có mùi hôi thối, chất dễ cháy, dễ nổ, độc hại, hàng nguy hiểm khác vào tàu khách hoặc thực hiện lập tàu có ghép nối toa xe không bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, trừ trường hợp di chuyển phương tiện chạy thử nghiệm, đưa phương tiện bị hư hỏng về cơ sở sửa chữa.

**Câu 83 Anh/chị hãy cho biết việc xử phạt đối với trực ban chạy tàu ga, trưởng tàu, lái tàu, nhân viên khám xe cho tàu chạy mà không thử hãm theo quy định ?**

Tại khoản 4 Điều 40 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP đã nêu rõ mức phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với trực ban chạy tàu ga, trưởng tàu, lái tàu, nhân viên khám xe cho tàu chạy mà không thử hãm theo quy định hoặc cho tàu chạy từ ga lập tàu hoặc các ga có quy định về thử hãm đoàn tàu mà không đủ áp lực hãm theo quy định.

**Câu 84. Anh/chị hãy cho biết việc xử phạt đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt không ban hành nội dung, chức danh đảm nhiệm việc khám kỹ thuật theo quy định?**

Tại khoản 5 Điều 40 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP đã nêu rõ mức phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng không ban hành nội dung, chức danh đảm nhiệm việc khám kỹ thuật theo quy định hoặc doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng không quy định địa điểm, không giám sát việc khám kỹ thuật của đoàn tàu theo quy định.

**Câu 85: Anh/chị hãy cho biết việc xử phạt hành vi vi phạm quy định về dồn tàu vượt quá tốc độ dồn cho phép ?**

Theo khoản 1 Điều 41 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định mức phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về dồn tàu vượt quá tốc độ dồn cho phép hoặc thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Cho đầu máy dịch chuyển khi chưa nhận được kế hoạch dồn hoặc tín hiệu của người chỉ huy dồn cho phép;

- Dồn phóng, thả trôi từ dốc gù toa xe có ghi “cấm phóng”, toa xe khác theo quy định không được dồn phóng hoặc tại ga có quy định cấm dồn phóng;

- Dồn phóng vào đường có toa xe đang tác nghiệp kỹ thuật, đang sửa chữa, đang xếp, dỡ hàng; dồn phóng vào đường nhánh trong khu gian, vào đường chưa được chiếu sáng đầy đủ hoặc khi có sương mù, mưa to, gió lớn;

- Để toa xe ngoài mốc tránh va chạm sau mỗi cú dồn, trừ các trường hợp đặc biệt theo quy định;

- Để đầu máy, toa xe đỗ trên đường an toàn, đường lánh nạn khi không có lệnh của người có thẩm quyền;

- Đặt chèn trên đường sắt tại các vị trí cấm đặt chèn;

- Tiến hành dồn khi các toa xe trong đoàn dồn chưa treo hàm nối ống mềm vào chỗ quy định;

- Để toa xe chưa dồn trên đường ga, đường nhánh trong khu gian, đường dùng riêng mà không nối liền với nhau, không siết chặt hãm tay ở hai đầu đoàn xe, không chèn chắc chắn.

**Câu 86. Anh/chị hãy cho biết việc xử phạt hành vi vi phạm quy định về dồn tàu vượt quá tốc độ dồn cho phép ?**

Theo khoản 3 Điều 41 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định mức phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với trực ban chạy tàu ga hoặc điều độ chạy tàu ga có hành vi vi phạm sau khi dồn xong vẫn để ghi dẫn vào đường chứa toa xe chở hàng nguy hiểm (chất nổ, chất cháy) không thông sang đường khác hoặc sau khi dồn xong vẫn để toa xe chở hàng nguy hiểm (chất nổ, chất cháy) chưa nối vào tàu nhưng không nối liền với nhau, không chèn chắc chắn, không để riêng trên một đường, không phòng vệ bằng tín hiệu di động “ngừng”.

**Câu 87. Anh/chị hãy cho biết việc xử phạt đối với lái tàu thực hiện điều khiển tàu chạy lùi khi sương mù, mưa to, gió lớn mà không xác nhận được tín hiệu?**

Theo khoản 3 Điều 42 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định mức phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với lái tàu thực hiện điều khiển tàu chạy lùi khi sương mù, mưa to, gió lớn mà không xác nhận được tín hiệu hoặc thực hiện một trong các hành vi sau:

- Điều khiển tàu chạy lùi khi thông tin bị gián đoạn mà phía sau tàu đó có tàu chạy cùng chiều;

- Điều khiển tàu chạy lùi trong khu gian đóng đường tự động khi chưa có lệnh;

- Điều khiển tàu chạy tiến hoặc lùi trong trường hợp đã xin cứu viện mà chưa được phép bằng mệnh lệnh;

- Điều khiển tàu chạy lùi trong trường hợp tàu có đầu máy đẩy vào khu gian rồi trở về.

**Câu 88. Anh/chị hãy cho biết việc xử phạt đối với trực ban chạy tàu ga, lái tàu, trưởng tàu cho tàu chạy vào khu gian mà chưa có chứng vật chạy tàu ?**

Theo khoản 4 Điều 42 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định mức phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với trực ban chạy tàu ga, lái tàu, trưởng tàu cho tàu chạy vào khu gian mà chưa có chứng vật chạy tàu hoặc để người không có phận sự thực hiện nhiệm vụ của mình khi không được phép.

**Câu 89. Anh/chị hãy cho biết việc xử phạt đối với nhân viên đường sắt trực ban chạy tàu ga không ghi chép đầy đủ các mẫu điện tín?**

Theo khoản 1 Điều 43 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định mức phạt tiền từ từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với nhân viên đường sắt trực ban chạy tàu ga không ghi chép đầy đủ các mẫu điện tín hoặc thực hiện một trong các hành vi sau:

- Trực ban chạy tàu ga, gác ghi, gác đường ngang, gác cầu chung, gác hầm, tuần cầu, tuần đường, tuần hầm không đón, tiễn tàu hoặc tác nghiệp đón, tiễn tàu không đúng quy định trừ các hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này;

- Trực ban chạy tàu ga, gác đường ngang, gác cầu chung không ghi chép đầy đủ thông tin về giờ tàu chạy qua ga, chắn, cầu chung theo quy định.

**Câu 90. Anh/chị hãy cho biết việc xử phạt đối với nhân viên trực ban chạy tàu ga đón, gửi nhầm tàu?**

Theo khoản 4 Điều 43 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định mức phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với trực ban chạy tàu ga đón, gửi nhầm tàu hoặc thực hiện một trong các hành vi sau:

- Tổ chức đón tàu vào đường không thanh thoát mà không áp dụng các biện pháp an toàn theo quy định;

- Đón, gửi tàu mà không thu chìa khóa ghi hoặc không áp dụng các biện pháp khống chế ghi;

- Cho tàu chạy vào khu gian mà không thông báo cho nhân viên gác đường ngang, cầu chung theo quy định;

- Để phương tiện giao thông đường sắt khác chiếm dụng đường chính tuyến trong ga, trừ trường hợp bất khả kháng (tránh vượt tàu, dồn dịch, cứu hộ, cứu nạn);

- Không thông báo cho trực ban chạy tàu ga đến, ga đi, nhân viên điều độ chạy tàu tuyến về số hiệu tàu, giờ thực tế tàu đến, đi, thông qua sau khi tàu đến, đi, thông qua ga theo quy định;

- Không kiểm tra, không xác nhận việc dồn dịch gây ảnh hưởng, trở ngại đến đường đón, gửi tàu theo quy định.

**Câu 91. Anh/chị hãy cho biết việc xử phạt đối với lái tàu, trưởng dồn, nhân viên ghép nối đầu máy toa xe khi dồn tàu không thực hiện đúng các tín hiệu dồn theo quy định ?**

Tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP đã nêu rõ việc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với lái tàu, trưởng dồn, nhân viên ghép nối đầu máy toa xe khi dồn tàu không thực hiện đúng các tín hiệu dồn theo quy định hoặc đã xác nhận được các tín hiệu dồn nhưng không kéo còi làm tín hiệu hô đáp.

**Câu 92. Anh/chị hãy cho biết việc xử phạt đối với lái tàu, trưởng tàu tiếp tục cho tàu chạy khi đã nhận được tín hiệu ngừng tàu ?**

Tại khoản 3 Điều 44 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP đã nêu rõ việc phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với lái tàu, trưởng tàu tiếp tục cho tàu chạy khi đã nhận được tín hiệu ngừng tàu hoặc thực hiện một số hành vi sau đây:

- Lái tàu, trưởng tàu cho tàu chạy khi chưa nhận được tín hiệu an toàn của trực ban chạy tàu ga hoặc người làm tín hiệu truyền;

- Lái tàu điều khiển tàu chạy vượt qua tín hiệu vào ga, ra ga đang ở trạng thái đóng khi chưa được phép của người chỉ huy chạy tàu ở ga;

- Lái tàu không dừng tàu khi tàu đã đè lên pháo phòng vệ và pháo phòng vệ đã nổ bình thường.

**Câu 93. Anh/chị hãy cho biết việc xử phạt đối với nhân viên điều độ chạy tàu không kiểm tra các ga về việc thi hành biểu đồ chạy tàu và kế hoạch lập tàu?**

Tại khoản 1 Điều 46 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP đã nêu rõ xử phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với nhân viên điều độ chạy tàu không kiểm tra các ga về việc thi hành biểu đồ chạy tàu và kế hoạch lập tàu.

**Câu 94. Anh/chị hãy cho biết việc xử phạt đối với nhân viên điều độ chạy tàu tuyến phát mệnh lệnh liên quan đến chạy tàu không đúng thẩm quyền?**

Tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP đã nêu rõ xử phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với nhân viên điều độ chạy tàu tuyến phát mệnh lệnh liên quan đến chạy tàu không đúng thẩm quyền hoặc thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Không phát lệnh cho trực ban chạy tàu ga cấp cảnh báo kịp thời cho lái tàu;

- Không phát lệnh phong tỏa khu gian theo quy định để: Tổ chức thi công, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt; tổ chức chạy tàu cứu viện, tàu công trình vào khu gian cần phải phong tỏa;

- Không kịp thời phát các mệnh lệnh thuộc thẩm quyền quy định gây chậm tàu, ách tắc giao thông.

**Câu 95. Anh/chị hãy cho biết việc xử phạt đối với trực ban chạy tàu ga không cấp cảnh báo cho lái tàu, trưởng tàu theo quy định ?**

Tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP đã nêu rõ xử phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với trực ban chạy tàu ga không cấp cảnh báo cho lái tàu, trưởng tàu theo quy định.

**Câu 96: Hành vi gây trở ngại cho việc khôi phục đường sắt sau khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 4 Điều 48 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Không cung cấp hoặc cung cấp không đủ các tài liệu, vật chứng liên quan đến tai nạn giao thông đường sắt; không chuyển giao hồ sơ tai nạn ban đầu theo quy định;

- Không thực hiện nghĩa vụ cứu nạn khi có điều kiện cứu nạn;

- Khi nhận được tin báo về tai nạn giao thông đường sắt hoặc khi được yêu cầu phối hợp, hỗ trợ không đến ngay hiện trường để giải quyết;

- Không kịp thời có biện pháp xử lý, biện pháp ngăn ngừa tai nạn giao thông đường sắt khi phát hiện hoặc nhận được tin báo công trình đường sắt bị hư hỏng;

- Không kịp thời sửa chữa, khắc phục sự cố làm ảnh hưởng đến việc chạy tàu;

- Gây trở ngại cho việc khôi phục đường sắt sau khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt.

Như vậy, đối chiếu với quy định trên, hành vi gây trở ngại cho việc khôi phục đường sắt sau khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt sẽ bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với tổ chức.

**Câu 97: Hành vi lợi dụng tai nạn giao thông đường sắt để xâm phạm tài sản, phương tiện bị nạn; làm mất trật tự, cản trở việc xử lý tai nạn giao thông đường sắt bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 5 Điều 48 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Thay đổi, xóa dấu vết hiện trường vụ tai nạn giao thông đường sắt;

- Lợi dụng tai nạn giao thông đường sắt để xâm phạm tài sản, phương tiện bị nạn; làm mất trật tự, cản trở việc xử lý tai nạn giao thông đường sắt;

- Gây tai nạn giao thông đường sắt mà không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền;

- Không phối hợp, không chấp hành mệnh lệnh của người, cơ quan có thẩm quyền trong việc khắc phục hậu quả, khôi phục giao thông đường sắt.

Như vậy, đối chiếu với quy định trên, hành vi lợi dụng tai nạn giao thông đường sắt để xâm phạm tài sản, phương tiện bị nạn; làm mất trật tự, cản trở việc xử lý tai nạn giao thông đường sắt sẽ bị phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.

**Câu 98: Hành vi không lưu trữ hồ sơ các vụ sự cố, tai nạn giao thông đường sắt, không thường xuyên cập nhật số liệu về số vụ sự cố, tai nạn giao thông đường sắt theo quy định bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 6 Điều 48 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị, doanh nghiệp kinh doanh đường sắt chuyên dùng thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Không có Hội đồng giải quyết tai nạn giao thông đường sắt hoặc Hội đồng phân tích tai nạn giao thông đường sắt khi có tai nạn giao thông đường sắt xảy ra theo quy định;

- Không lưu trữ hồ sơ các vụ sự cố, tai nạn giao thông đường sắt, không thường xuyên cập nhật số liệu về số vụ sự cố, tai nạn giao thông đường sắt theo quy định;

- Không quy định trách nhiệm của các đơn vị tham gia hoạt động trên đường sắt quốc gia trong việc giải quyết các vụ sự cố, tai nạn giao thông đường sắt, không công bố công khai địa chỉ, số điện thoại của các tổ chức, cá nhân có liên quan để phục vụ công tác xử lý sự cố, tai nạn giao thông đường sắt theo quy định.

Như vậy, đối chiếu với quy định trên, hành vi không lưu trữ hồ sơ các vụ sự cố, tai nạn giao thông đường sắt, không thường xuyên cập nhật số liệu về số vụ sự cố, tai nạn giao thông đường sắt theo quy định sẽ bị phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

**Câu 99: Hành vi không thông báo kịp thời sự cố đe dọa an toàn chạy tàu và việc tạm đình chỉ chạy tàu cho trực ban chạy tàu ga ở hai đầu khu gian nơi xảy ra sự cố hoặc nhân viên điều hành giao thông vận tải đường sắt bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 7 Điều 48 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức quản lý, kinh doanh đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Không xây dựng, thực hiện phương án phòng, chống và khắc phục kịp thời hậu quả do sự cố, thiên tai, tai nạn giao thông đường sắt để bảo đảm giao thông đường sắt an toàn, thông suốt;

- Không tuân thủ sự chỉ đạo, điều phối lực lượng của tổ chức phòng, chống sự cố, thiên tai, xử lý tai nạn giao thông đường sắt;

- Không thông báo kịp thời sự cố đe dọa an toàn chạy tàu và việc tạm đình chỉ chạy tàu cho trực ban chạy tàu ga ở hai đầu khu gian nơi xảy ra sự cố hoặc nhân viên điều hành giao thông vận tải đường sắt;

- Không đình chỉ chạy tàu khi thấy kết cấu hạ tầng đường sắt có nguy cơ gây mất an toàn chạy tàu;

- Không thành lập tổ ứng phó cứu viện để giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt.

Như vậy, đối chiếu với quy định trên, hành vi không thông báo kịp thời sự cố đe dọa an toàn chạy tàu và việc tạm đình chỉ chạy tàu cho trực ban chạy tàu ga ở hai đầu khu gian nơi xảy ra sự cố hoặc nhân viên điều hành giao thông vận tải đường sắt sẽ bị phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức quản lý, kinh doanh đường sắt có hành vi vi phạm.

**Câu 100: Hành vi để súc vật đi qua đường sắt không đúng quy định hoặc để súc vật kéo xe qua đường sắt mà không có người điều khiển bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Đi, đứng, nằm, ngồi hoặc hành vi khác trên đường sắt, trong cầu, hầm dành riêng cho đường sắt, trừ nhân viên đường sắt, lực lượng chức năng đang làm nhiệm vụ;

- Vượt tường rào, hàng rào ngăn cách giữa đường sắt với khu vực xung quanh;

- Để súc vật đi qua đường sắt không đúng quy định hoặc để súc vật kéo xe qua đường sắt mà không có người điều khiển;

- Đi, đứng, nằm, ngồi hoặc hành vi khác trên nóc toa xe, đầu máy, bậc lên xuống toa xe; đu bám, đứng, ngồi hai bên thành toa xe, đầu máy, nơi nối giữa các toa xe, đầu máy; mở cửa lên, xuống tàu, đưa đầu, tay, chân và vật khác ra ngoài thành toa xe khi tàu đang chạy, trừ nhân viên đường sắt, lực lượng chức năng đang thi hành nhiệm vụ;

- Phơi rơm, rạ, nông sản, để các vật phẩm khác trên đường sắt hoặc các công trình đường sắt khác;

- Để rơi vãi đất, cát, các loại vật tư, vật liệu khác lên đường sắt.

Như vậy, đối chiếu với quy định trên, hành vi để súc vật đi qua đường sắt không đúng quy định hoặc để súc vật kéo xe qua đường sắt mà không có người điều khiển t sẽ bị phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân thực hiện hành vi vi phạm.

**Câu 101: Hành vi neo đậu phương tiện vận tải thủy, bè, mảng hoặc các vật thể khác trong phạm vi bảo vệ cầu đường sắt bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Neo đậu phương tiện vận tải thủy, bè, mảng hoặc các vật thể khác trong phạm vi bảo vệ cầu đường sắt;

- Để phương tiện giao thông đường bộ, thiết bị, vật liệu, hàng hóa vi phạm khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

Như vậy, đối chiếu với quy định trên, hành vi neo đậu phương tiện vận tải thủy, bè, mảng hoặc các vật thể khác trong phạm vi bảo vệ cầu đường sắt sẽ bị phạt tiền từ từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm.

**Câu 102: Hành vi ngăn cản việc chạy tàu, tùy tiện báo hiệu hoặc sử dụng các thiết bị để dừng tàu, trừ trường hợp phát hiện có sự cố gây mất an toàn giao thông đường sắt bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Ngăn cản việc chạy tàu, tùy tiện báo hiệu hoặc sử dụng các thiết bị để dừng tàu, trừ trường hợp phát hiện có sự cố gây mất an toàn giao thông đường sắt;

- Để vật chướng ngại lên đường sắt làm cản trở giao thông đường sắt;

- Tự ý mở chắn đường ngang khi chắn đã đóng.

Như vậy, đối chiếu với quy định trên, hành vi ngăn cản việc chạy tàu, tùy tiện báo hiệu hoặc sử dụng các thiết bị để dừng tàu, trừ trường hợp phát hiện có sự cố gây mất an toàn giao thông đường sắt sẽ bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân.

**Câu 103. Hành vi không thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông vận tải đường sắt khi công trình thiết bị điện, viễn thông nằm trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 4 Điều 49 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với tổ chức là chủ sở hữu công trình thiết bị điện, viễn thông thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Không thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông vận tải đường sắt khi công trình thiết bị điện, viễn thông nằm trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt;

- Không thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn để công trình điện lực, đường dây tải điện gây nhiễu hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt;

- Không thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn cho thiết bị, công trình đường sắt, giao thông vận tải đường sắt khi dây tải điện bị sự cố, đứt trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt.

Như vậy, đối chiếu với quy định trên, hành vi không thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông vận tải đường sắt khi công trình thiết bị điện, viễn thông nằm trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt sẽ bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với tổ chức là chủ sở hữu công trình thiết bị điện, viễn thông thực hiện hành vi vi phạm. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm còn buộc phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông đường sắt.

**Câu 104: Hành vi không có biện pháp đảm bảo an toàn cho hành khách lên xuống tàu ở những ga có ke ga đang sử dụng chưa nâng cấp, cải tạo bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 7 Điều 49 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Không có giải pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn giao thông vận tải đường sắt trong quá trình khai thác, kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt đối với tuyến đường được phép sử dụng độ dốc lớn hơn dốc hạn chế;

- Không có biện pháp đảm bảo an toàn cho hành khách lên xuống tàu ở những ga có ke ga đang sử dụng chưa nâng cấp, cải tạo.

Như vậy, đối chiếu với quy định trên, hành vi không có biện pháp đảm bảo an toàn cho hành khách lên xuống tàu ở những ga có ke ga đang sử dụng chưa nâng cấp, cải tạo sẽ bị phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thực hiện một trong các hành vi vi phạm.

**Câu 105: Xin hãy cho biết mức xử phạt các hành vi vi phạm quy định về quản lý an toàn đường sắt đô thị được pháp luật quy định như thế nào?**

Tại Điều 50 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt các hành vi vi phạm quy định về quản lý an toàn đường sắt đô thị như sau:

Phạt tiền từ 20.000.0000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Đưa vào vận hành, khai thác đường sắt đô thị không có Giấy chứng nhận thẩm định hồ sơ an toàn hệ thống đường sắt đô thị theo quy định;

- Đưa vào vận hành, khai thác đường sắt đô thị không có Giấy chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc có nhưng hết hiệu lực.

Ngoài việc bị phạt tiền, doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung: đình chỉ vận hành, khai thác từ 01 tháng đến 03 tháng.

**Câu 106: Hành vi đổ trái phép đất, đá, vật liệu khác lên đường sắt hoặc để rơi đất, đá, vật liệu khác từ trên tàu xuống đường sắt trong quá trình vận chuyển bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Đổ, để chất độc hại, chất phế thải lên đường sắt hoặc xả chất thải không bảo đảm vệ sinh môi trường lên đường sắt;

- Đổ trái phép đất, đá, vật liệu khác lên đường sắt hoặc để rơi đất, đá, vật liệu khác từ trên tàu xuống đường sắt trong quá trình vận chuyển;

- Để chất dễ cháy, chất dễ nổ trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt;

- Làm che lấp tín hiệu giao thông đường sắt;

- Làm hư hỏng hoặc làm mất tác dụng của hệ thống thoát nước công trình đường sắt;

- Đặt tấm đan bê tông, gỗ, sắt thép, các vật liệu khác trái phép trong lòng đường sắt hoặc trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt;

- Bơm, xả nước hoặc các chất lỏng khác làm ngập nền đường sắt, ảnh hưởng đến khả năng thoát nước của hệ thống thoát nước đường sắt hoặc ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn công trình đường sắt.

Như vậy, đối chiếu với quy định trên, hành vi đổ, để chất độc hại, chất phế thải lên đường sắt hoặc xả chất thải không bảo đảm vệ sinh môi trường lên đường sắt sẽ bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm. Ngoài ra còn bị buộc phải đưa rác thải sinh hoạt; đất, đá, chất độc hại, chất phế thải và các vật liệu khác ra khỏi đường sắt.

**Câu 107: Hành vi làm hỏng, tháo dỡ trái phép tường rào, hàng rào ngăn cách giữa đường sắt với khu vực xung quanh; làm sai lệch vị trí hoặc phá, dỡ trái phép mốc chỉ giới ga đường sắt, mốc giới đất dành cho đường sắt, hàng rào dùng để đóng lối đi tự mở, cọc dùng để thu hẹp lối đi tự mở** **bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 51 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Đào, lấy, san, lấp đất, đá hoặc các vật liệu khác trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt;

- Làm hỏng, tháo dỡ trái phép tường rào, hàng rào ngăn cách giữa đường sắt với khu vực xung quanh; làm sai lệch vị trí hoặc phá, dỡ trái phép mốc chỉ giới ga đường sắt, mốc giới đất dành cho đường sắt, hàng rào dùng để đóng lối đi tự mở, cọc dùng để thu hẹp lối đi tự mở;

- Làm hỏng, thay đổi, chuyển dịch biển hiệu, mốc hiệu, tín hiệu của công trình đường sắt.

Như vậy, đối chiếu với quy định trên, hành vi làm hỏng, tháo dỡ trái phép tường rào, hàng rào ngăn cách giữa đường sắt với khu vực xung quanh; làm sai lệch vị trí hoặc phá, dỡ trái phép mốc chỉ giới ga đường sắt, mốc giới đất dành cho đường sắt, hàng rào dùng để đóng lối đi tự mở, cọc dùng để thu hẹp lối đi tự mở sẽ bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm. Ngoài ra còn bị buộc phải phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.

**Câu 108: Hành vi xây dựng lò vôi, lò gốm, lò gạch, lò nấu gang, thép, xi măng, thủy tinh cách ngoài chỉ giới hành lang an toàn giao thông đường sắt nhỏ hơn 10 m bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Xây dựng lò vôi, lò gốm, lò gạch, lò nấu gang, thép, xi măng, thủy tinh cách ngoài chỉ giới hành lang an toàn giao thông đường sắt nhỏ hơn 10 m;

- Xây dựng nhà bằng vật liệu dễ cháy cách ngoài chỉ giới hành lang an toàn giao thông đường sắt nhỏ hơn 05 m;

- Xây dựng công trình cột ăng ten viễn thông, đường dây thông tin, đường dây tải điện với khoảng cách từ vị trí chân cột đến vai nền đường đối với nền đường không đào, không đắp, chân taluy đường đắp, mép đỉnh taluy đường đào, mép ngoài cùng của kết cấu công trình cầu, đường dây thông tin, tín hiệu đường sắt nhỏ hơn 1,3 lần chiều cao của cột hoặc nhỏ hơn 05 m mà không được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải chấp thuận;

- Xây dựng công trình, khai thác tài nguyên và các hoạt động khác ở vùng lân cận phạm vi bảo vệ công trình đường sắt làm hư hỏng công trình đường sắt;

- Xây dựng công trình trong phạm vi hành lang an toàn giao thông tại khu vực đường ngang không bố trí người gác.

Như vậy, đối chiếu với quy định trên, hành vi xây dựng lò vôi, lò gốm, lò gạch, lò nấu gang, thép, xi măng, thủy tinh cách ngoài chỉ giới hành lang an toàn giao thông đường sắt nhỏ hơn 10 m sẽ bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm. Ngoài ra còn bị buộc phải phá dỡ công trình xây dựng gây ảnh hưởng đến an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông đường sắt;

**Câu 109: Hành vi chăn thả súc vật, mua bán hàng hóa, họp chợ trên đường sắt, trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân, từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Trồng cây trái phép trong phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt đô thị; trồng cây cao trên 1,5 m hoặc trồng cây dưới 1,5 m nhưng ảnh hưởng đến an toàn, ổn định công trình, an toàn giao thông vận tải đường sắt trong quá trình khai thác hoặc trồng cây che khuất tầm nhìn của người tham gia giao thông trong phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng;

- Chăn thả súc vật, mua bán hàng hóa, họp chợ trên đường sắt, trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt.

Như vậy, đối chiếu với quy định nêu trên, hành vi chăn thả súc vật, mua bán hàng hóa, họp chợ trên đường sắt, trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt bị phạt tiền từ từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân, từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm

**Câu 110: Hành vi đặt, treo biển quảng cáo, biển chỉ dẫn hoặc các vật che chắn khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Để phương tiện, thiết bị, vật liệu, hàng hóa, chất phế thải hoặc các vật phẩm khác trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt hoặc trong khu vực ga, đề-pô, nhà ga đường sắt;

- Dựng lều, quán trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt;

- Đặt, treo biển quảng cáo, biển chỉ dẫn hoặc các vật che chắn khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt;

- Di chuyển chậm trễ các công trình, nhà ở, lều, quán hoặc cố tình trì hoãn việc di chuyển gây trở ngại cho việc xây dựng, cải tạo, mở rộng và bảo đảm an toàn công trình đường sắt khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Như vậy, đối chiếu với quy định nêu trên, hành vi đặt, treo biển quảng cáo, biển chỉ dẫn hoặc các vật che chắn khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường s bị phạt tiền từ từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm. Đồng thời buộc phải [tháo dỡ](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Vi-pham-hanh-chinh/Nghi-dinh-100-2019-ND-CP-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-giao-thong-duong-bo-va-duong-sat-426369.aspx?DocItemId=1207151&DocItemRelateId_Select=99896), di chuyển biển quảng cáo, các biển chỉ dẫn hoặc các vật che chắn khác (đặt trái phép) ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt.

**Câu 111: Hành vi dựng biển quảng cáo hoặc các biển chỉ dẫn khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 4 Điều 53 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Xây dựng nhà, công trình khác (bao gồm cả công trình phục vụ quốc phòng, an ninh) trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt, trừ các hành vi vi phạm quy định tại: điểm b, điểm c khoản 3 Điều này; điểm d khoản 4 Điều 51 Nghị định này;

- Dựng biển quảng cáo hoặc các biển chỉ dẫn khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

Như vậy, đối chiếu với quy định nêu trên, hành vi dựng biển quảng cáo hoặc các biển chỉ dẫn khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt bị phạt tiền từ từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm. Đồng thời buộc phải [phá dỡ](https://lawnet.vn/vb/nghi-dinh-1232021ndcp-sua-doi-nghi-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-hang-hai-74B17.html?DocItemId=1207153&DocItemRelateId_Select=99898), di chuyển nhà, công trình, biển quảng cáo hoặc các biển chỉ dẫn xây dựng trái phép (không có giấy phép hoặc không đúng giấy phép) ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt.

**Câu 112: Hành vi để vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ thi công vi phạm khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt khi khu gian chưa được phong tỏa hoặc hết thời gian phong tỏa khu gian bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Thi công công trình khi chưa có văn bản chấp thuận phương án tổ chức thi công, biện pháp đảm bảo an toàn giao thông, thời gian phong tỏa phục vụ thi công của tổ chức có thẩm quyền theo quy định;

- Khi thi công hoàn thành công trình không bàn giao lại hiện trường, hồ sơ hoàn công cho tổ chức có liên quan theo quy định;

- Để vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ thi công vi phạm khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt khi khu gian chưa được phong tỏa hoặc hết thời gian phong tỏa khu gian.

Như vậy, đối chiếu với quy định nêu trên, hành vi để vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ thi công vi phạm khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt khi khu gian chưa được phong tỏa hoặc hết thời gian phong tỏa khu gian bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm. Đồng thời buộc phải đưa vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị ra khỏi khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt.

**Câu 113: Hành vi không tự**[**tháo dỡ**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Vi-pham-hanh-chinh/Nghi-dinh-100-2019-ND-CP-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-giao-thong-duong-bo-va-duong-sat-426369.aspx?DocItemId=1207164&DocItemRelateId_Select=99899)**công trình khi xây dựng không đúng với giấy phép hoặc khi cơ quan có thẩm quyền đã thu hồi, hủy giấy phép bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 54 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Không thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông đường sắt trong quá trình thi công;

- Không gia cố kịp thời công trình thiết yếu để bảo đảm an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông vận tải đường sắt khi phát hiện hoặc nhận được tin báo công trình thiết yếu bị hư hỏng;

- Không tự di chuyển hoặc cải tạo công trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

- Không tự phá dỡ công trình khi hết hạn sử dụng;

- Không tự [phá dỡ](https://luatvietnam.vn/noi-dung-thay-doi.html?DocItemId=1207164&DocItemRelateId_Select=99899) công trình khi xây dựng không đúng với giấy phép hoặc khi cơ quan có thẩm quyền đã thu hồi, hủy giấy phép.

Như vậy, đối chiếu với quy định nêu trên, hành vi không tự [tháo dỡ](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Vi-pham-hanh-chinh/Nghi-dinh-100-2019-ND-CP-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-giao-thong-duong-bo-va-duong-sat-426369.aspx?DocItemId=1207164&DocItemRelateId_Select=99899) công trình khi xây dựng không đúng với giấy phép hoặc khi cơ quan có thẩm quyền đã thu hồi, hủy giấy phép bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm. Đồng thời buộc phải phá dỡ công trình hết hạn sử dụng, [phá dỡ](https://luatvietnam.vn/noi-dung-thay-doi.html?DocItemId=1207170&DocItemRelateId_Select=99900) công trình xây dựng không đúng với giấy phép hoặc bị thu hồi, hủy giấy phép.

**Câu 114: Hành vi không thực hiện chốt gác tại đường ngang là vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt trên đường sắt quốc gia; không thực hiện huấn luyện nghiệp vụ cảnh giới, chốt gác theo quy định cho người do địa phương bố trí để cảnh giới, chốt gác tại các lối đi tự mở** **bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 55 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Không lập danh mục quản lý đối với các đường ngang không phù hợp với quy định của Luật Đường sắt; không lập, không cập nhật hồ sơ các vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt, lối đi tự mở qua đường sắt;

- Không phát hiện hoặc đã phát hiện mà không báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời những hành vi vi phạm phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt trong phạm vi quản lý;

- Không lập, không lưu trữ hồ sơ quản lý công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt hoặc lập, lưu trữ hồ sơ nhưng không đúng quy định;

- Không kịp thời phát hiện hoặc không thực hiện theo quy định khi phát hiện, nhận được tin báo hành vi xâm phạm kết cấu hạ tầng đường sắt;

- Không thông báo hoặc thông báo không kịp thời sự cố đe dọa an toàn chạy tàu, việc tạm đình chỉ chạy tàu cho trực ban chạy tàu ga ở hai đầu khu gian nơi xảy ra sự cố, nhân viên điều hành giao thông vận tải đường sắt, khách hàng sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt;

- Không xây dựng lộ trình, không thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn tại các vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt theo quy định;

- Không thực hiện chốt gác tại đường ngang là vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt trên đường sắt quốc gia; không thực hiện huấn luyện nghiệp vụ cảnh giới, chốt gác theo quy định cho người do địa phương bố trí để cảnh giới, chốt gác tại các lối đi tự mở;

- Không lập hệ thống quản lý chất lượng bảo trì công trình đường sắt theo quy định;

- Không duy trì trạng thái kỹ thuật, chất lượng kết cấu hạ tầng đường sắt đã công bố hoặc để xảy ra sự cố công trình đường sắt do không thực hiện bảo trì công trình đường sắt theo quy định;

- Không kịp thời phát hiện hoặc không thực hiện theo quy định khi phát hiện, nhận được tin báo công trình đường sắt, bộ phận công trình đường sắt, thiết bị lắp đặt vào công trình đường sắt bị hư hỏng, xuống cấp về chất lượng, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng;

- Không thực hiện các thủ tục theo quy định đối với công trình đường sắt hết thời hạn sử dụng có nhu cầu tiếp tục sử dụng tiếp.

Như vậy, đối chiếu với quy định nêu trên, hành vi không thực hiện chốt gác tại đường ngang là vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt trên đường sắt quốc gia; không thực hiện huấn luyện nghiệp vụ cảnh giới, chốt gác theo quy định cho người do địa phương bố trí để cảnh giới, chốt gác tại các lối đi tự mở bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm.

**Câu 115: Hành vi không tổ chức cảnh giới, chốt gác tại lối đi tự mở là vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt theo quy định** **bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 55 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức được giao trách nhiệm quản lý, xử lý lối đi tự mở thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Không tổ chức thu hẹp bề rộng hoặc xóa bỏ lối đi tự mở là vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt theo quy định;

- Không tổ chức cảnh giới, chốt gác tại lối đi tự mở là vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt theo quy định.

Như vậy, đối chiếu với quy định nêu trên, hành vi không tổ chức cảnh giới, chốt gác tại lối đi tự mở là vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt theo quy định bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức được giao trách nhiệm quản lý, xử lý lối đi tự mở thực hiện một trong các hành vi vi phạm. Đồng thời buộc phải thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường sắt theo quy định.

**Câu 116: Hành vi để công trình đường sắt bị hư hỏng mà không kịp thời có biện pháp khắc phục, sửa chữa cần thiết** **bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 55 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Không thực hiện chế độ kiểm tra hoặc thực hiện chế độ kiểm tra không đúng quy định;

- Để công trình đường sắt bị hư hỏng mà không kịp thời có biện pháp khắc phục, sửa chữa cần thiết;

- Không kịp thời tổ chức sửa chữa, bổ sung, gia cố, thay thế các hư hỏng kết cấu hạ tầng đường sắt để bảo đảm chất lượng theo công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng đã công bố;

- Không kiểm tra việc thực hiện phương án tổ chức thi công, biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường sắt tại vị trí thi công trên tuyến đường sắt theo công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ đã công bố.

Như vậy, đối chiếu với quy định nêu trên, hành vi để công trình đường sắt bị hư hỏng mà không kịp thời có biện pháp khắc phục, sửa chữa cần thiết bị phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm. Đồng thời buộc phải thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường sắt theo quy định.

**Câu 117: Hành vi thi công công trình không thông báo bằng văn bản cho tổ chức trực tiếp quản lý công trình đường sắt biết trước khi thi công** **bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Thi công công trình không thông báo bằng văn bản cho tổ chức trực tiếp quản lý công trình đường sắt biết trước khi thi công;

- Không bố trí đủ thiết bị an toàn và tín hiệu theo quy định đối với phương tiện, thiết bị thi công;

- Không bố trí hoặc bố trí không đúng vị trí quy định, không đủ biển báo, tín hiệu phòng vệ theo quy định, không có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường sắt trong quá trình thi công;

- Điều khiển phương tiện, thiết bị thi công mà không có bằng, chứng chỉ chuyên môn theo quy định;

- Thu hồi tín hiệu phòng vệ khi chưa kết thúc thi công, chưa kiểm tra trạng thái đường, chưa kiểm tra giới hạn tiếp giáp kiến trúc đủ điều kiện bảo đảm an toàn chạy tàu;

- Thi công công trình đường sắt có Giấy phép thi công nhưng đã hết thời hạn ghi trong Giấy phép hoặc có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền nhưng đã hết thời hạn thi công ghi trong văn bản;

- Để vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ thi công, biển phòng vệ, biển báo tạm thời vi phạm khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt khi hết thời gian phong tỏa để thi công công trình, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

- Không thông báo bằng văn bản cho đơn vị quản lý công trình đường sắt biết khi hoàn thành việc thi công công trình;

- Thi công công trình khi chưa yêu cầu cấp cảnh báo theo quy định;

- Không thực hiện các biện pháp phong tỏa khu gian, biện pháp chạy tàu trên đường sắt theo quy định khi thi công công trình trên đường sắt đang khai thác.

Như vậy, đối chiếu với quy định nêu trên, hành vi thi công công trình không thông báo bằng văn bản cho tổ chức trực tiếp quản lý công trình đường sắt biết trước khi thi công bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm.

**Câu 118: Hành vi để phương tiện, vật liệu, thiết bị thi công không đúng quy định gây cản trở chạy tàu, không bảo đảm an toàn giao thông** **bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Thi công công trình không có Giấy phép thi công hoặc không có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định (đối với trường hợp quy định phải có Giấy phép thi công hoặc văn bản chấp thuận); không thực hiện đúng quy định ghi trong Giấy phép thi công hoặc trong văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền;

- Không kịp thời có biện pháp xử lý, biện pháp ngăn ngừa tai nạn khi phát hiện công trình đường sắt đang thi công đe dọa an toàn chạy tàu;

- Để phương tiện, vật liệu, thiết bị thi công không đúng quy định gây cản trở chạy tàu, không bảo đảm an toàn giao thông.

Như vậy, đối chiếu với quy định nêu trên, hành vi để phương tiện, vật liệu, thiết bị thi công không đúng quy định gây cản trở chạy tàu, không bảo đảm an toàn giao thông bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm. Đồng thời buộc phải để phương tiện, vật liệu, thiết bị thi công theo đúng quy định, không gây cản trở chạy tàu đối với hành vi vi phạm nêu trên.

**Câu 119: Hành vi thi công trên đường sắt đang khai thác không thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông theo quy định để xảy ra tai nạn giao thông đường sắt bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 5 Điều 56 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức thi công trên đường sắt đang khai thác không thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông theo quy định để xảy ra tai nạn giao thông đường sắt.

Như vậy, đối chiếu với quy định nêu trên, hành vi thi công trên đường sắt đang khai thác không thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông theo quy định để xảy ra tai nạn giao thông đường sắt bị phạt tiền từ 3 từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức đối với hành vi vi phạm nêu trên.

**Câu 120: Xin hãy chi biết việc xử phạt các hành vi vi phạm quy định về kết nối các tuyến đường sắt** **được pháp luật quy định như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 57 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ xử phạt các hành vi vi phạm quy định về kết nối các tuyến đường sắt như sau:

Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị, chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng không phát hiện hoặc không có biện pháp ngăn chặn, báo cáo kịp thời các vi phạm về kết nối tuyến đường sắt.

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức khi kết nối các tuyến đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

- Kết nối trái phép các tuyến đường sắt;

- Không thực hiện đúng, đủ các nội dung trong Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt;

- Thực hiện kết nối khi chưa có ý kiến thống nhất bằng văn bản của đơn vị quản lý tuyến đường sắt được kết nối theo quy định;

- Khi hoàn thành việc kết nối không bàn giao hiện trường, hồ sơ hoàn công công trình trong khu vực kết nối theo quy định.

**Câu 121: Hành vi đưa phương tiện giao thông đường sắt không được phép vận dụng ra khai thác trên đường sắt bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trên mỗi phương tiện đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

- Đưa phương tiện không có Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt tham gia giao thông trên đường sắt hoặc sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt không do cơ quan có thẩm quyền cấp, trừ việc di chuyển phương tiện mới nhập khẩu, phương tiện chạy thử nghiệm, di chuyển phương tiện đến vị trí tập kết để cất giữ, bảo quản;

- Đưa phương tiện không có Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt hoặc không có Giấy chứng nhận kiểm tra định kỳ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt tham gia giao thông trên đường sắt, trừ việc di chuyển phương tiện chạy thử nghiệm, phương tiện hư hỏng đưa về cơ sở sửa chữa; sử dụng Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt, Giấy chứng nhận kiểm tra định kỳ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt không do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc đã hết hạn sử dụng;

- Đưa phương tiện giao thông đường sắt không được phép vận dụng ra khai thác trên đường sắt;

- Sử dụng toa xe chở hàng để vận chuyển hành khách;

- Tự ý thay đổi kết cấu, hình dáng, tính năng sử dụng của phương tiện giao thông đường sắt.

Như vậy, đối chiếu với quy định nêu trên, hành vi đưa phương tiện giao thông đường sắt không được phép vận dụng ra khai thác trên đường sắt bị phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trên mỗi phương tiện đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm.

**Câu 122: Hành vi đưa vào khai thác trên đường sắt quốc gia toa xe khách không có bảng niêm yết hoặc có bảng niêm yết nhưng không đầy đủ về nội quy đi tàu, hành trình của tàu, tên ga dừng, đỗ trên tuyến đường, cách xử lý tình huống khi xảy ra hỏa hoạn, sự cố theo quy định bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng trên mỗi phương tiện vi phạm nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 150.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

- Đưa vào khai thác trên đường sắt quốc gia toa xe khách không có bảng niêm yết hoặc có bảng niêm yết nhưng không đầy đủ về nội quy đi tàu, hành trình của tàu, tên ga dừng, đỗ trên tuyến đường, cách xử lý tình huống khi xảy ra hỏa hoạn, sự cố theo quy định;

- Đưa vào khai thác phương tiện giao thông đường sắt đô thị không có hoặc có nhưng không đầy đủ thông tin, chỉ dẫn cần thiết cho khách hàng theo quy định.

Như vậy, đối chiếu với quy định nêu trên, hành vi đưa vào khai thác trên đường sắt quốc gia toa xe khách không có bảng niêm yết hoặc có bảng niêm yết nhưng không đầy đủ về nội quy đi tàu, hành trình của tàu, tên ga dừng, đỗ trên tuyến đường, cách xử lý tình huống khi xảy ra hỏa hoạn, sự cố theo quy định từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng trên mỗi phương tiện vi phạm nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 150.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm.

**Câu 123: Tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt không kẻ, kẻ không đủ, không đúng số hiệu, số đăng ký và các ký hiệu khác theo quy định trên mỗi phương tiện giao thông đường sắt bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt không kẻ, kẻ không đủ, không đúng số hiệu, số đăng ký và các ký hiệu khác theo quy định trên mỗi phương tiện giao thông đường sắt.

Như vậy, đối chiếu với quy định nêu trên, tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt không kẻ, kẻ không đủ, không đúng số hiệu, số đăng ký và các ký hiệu khác theo quy định trên mỗi phương tiện giao thông đường sắt từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

**Câu 124: Hành vi không lắp đồng hồ áp suất tại vị trí làm việc của trưởng tàu, trên một số toa xe khách theo quy định hoặc có lắp thiết bị này nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 60 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Trên phương tiện giao thông đường sắt không lắp thiết bị hãm tự động, hãm bằng tay hoặc có lắp thiết bị này nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định;

- Không lắp van hãm khẩn cấp trên toa xe khách, tại vị trí làm việc của trưởng tàu hoặc có lắp thiết bị này nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định;

- Không kiểm tra định kỳ và kẹp chì niêm phong van hãm khẩn cấp, đồng hồ áp suất theo quy định;

- Không lắp đồng hồ áp suất tại vị trí làm việc của trưởng tàu, trên một số toa xe khách theo quy định hoặc có lắp thiết bị này nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định;

- Để thiết bị ghép nối đầu máy, toa xe không đúng quy định.

Như vậy, đối chiếu với quy định nêu trên, hành vi không lắp đồng hồ áp suất tại vị trí làm việc của trưởng tàu, trên một số toa xe khách theo quy định hoặc có lắp thiết bị này nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm. Đồng thời buộc phải lắp đầy đủ theo đúng quy định hoặc thay thế thiết bị đủ tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật hoặc khôi phục lại tính năng kỹ thuật của các thiết bị, gồm: đồng hồ áp suất tại vị trí làm việc của trưởng tàu, trên một số toa xe khách;

**Câu 125: Hành vi tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt thực hiện hành vi sử dụng thiết bị tín hiệu đuôi tàu không có giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc có giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp nhưng đã hết hạn sử dụng hoặc sử dụng thiết bị tín hiệu đuôi tàu không hoạt động theo quy định bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt thực hiện hành vi sử dụng thiết bị tín hiệu đuôi tàu không có giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc có giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp nhưng đã hết hạn sử dụng hoặc sử dụng thiết bị tín hiệu đuôi tàu không hoạt động theo quy định.

Như vậy, đối chiếu với quy định nêu trên, hành vi tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt thực hiện hành vi sử dụng thiết bị tín hiệu đuôi tàu không có giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc có giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp nhưng đã hết hạn sử dụng hoặc sử dụng thiết bị tín hiệu đuôi tàu không hoạt động theo quy định bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Đồng thời buộc phải thay thế hoặc khôi phục lại tính năng kỹ thuật của thiết bị tín hiệu đuôi tàu theo đúng quy định đối với hành vi vi phạm.

**Câu 126. Công ty vận tải đường sắt X chuyên vận chuyển hàng hóa, trong một lần lực lượng chức năng thực hiện cân trọng tải toa chở hàng tại khu vực ga đã phát hiện mỗi toa xe trên tổng số 12 toa đều vượt quá tải trọng cho phép chở của toa xe là 10% nên bị yêu cầu hạ tải và bị xử phạt vi phạm hành chính. Tôi muốn hỏi, theo quy định của pháp luật, mức phạt đối với hành vi vi phạm của công ty vận tải đường sắt X là bao nhiêu?**

Hành vi chở hàng hóa vượt tải trọng cho phép chở của phương tiện đường sắt, vượt quá tải trọng cho phép của cầu đường gây mất an toàn trong quá trình vận chuyển và gây tổn hại cho hệ thống cầu đường. Đối với hành vi này, pháp luật có quy định về xử phạt hành chính nêu tại điểm a, khoản 2 Điều 65 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt (sau đây gọi là Nghị định 100/2019/NĐ-CP) như sau: *Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến  5.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện hành vi vận chuyển hàng hóa trên mỗi toa xe vượt quá tải trọng cho phép chở của toa xe trên 5% đến 40%.*

Như vậy, với hành vi chở hàng hóa vượt quá tải trọng cho phép chở của toa xe nói trên, công ty vận tải đường sắt X có thể bị xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

**Câu 127. Chị B thường xuyên đi du lịch bằng tàu hỏa, trong một lần đi tàu, trên toa hành khách của chị B có một vị hành khách vô tình làm bắt lửa vào hành lý gây nên đám cháy nhỏ, trong lúc nhân viên phục vụ hành khách chữa cháy phát hiện trên toa tàu này không có bình cứu hỏa, rất may đám cháy đã được dập tắt ngay sau đó và không gây ra thiệt hại lớn. Tuy nhiên, chị B có thắc mắc, việc trên tàu không được trang bị đầy đủ vật liệu chữa cháy thì có vi phạm pháp luật không, nếu có thì được quy định như thế nào về mức xử phạt?**

Bất cứ phương tiện giao thông đường sắt nào, chuyên chở hành khách hoặc chuyên chở hàng hóa cũng đều tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ, vì vậy, các phương tiện này cần phải trang bị đầy đủ các trang thiết bị để ứng phó kịp thời khi có cháy nổ xảy ra.

Pháp luật có quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 61 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP như sau: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với trưởng tàu, lái tàu phụ trách đoàn tàu thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: (i) Không có hoặc có không đầy đủ theo quy định trên tàu hàng về: thiết bị, dụng cụ, vật liệu chữa cháy; thuốc sơ, cấp cứu; dụng cụ chèn tàu; tín hiệu cầm tay; (ii) Không có hoặc có không đầy đủ theo quy định trên tàu khách về: thiết bị, dụng cụ, vật liệu chữa cháy; thuốc sơ, cấp cứu; dụng cụ thoát hiểm; dụng cụ chèn tàu; dụng cụ, vật liệu để sửa chữa đơn giản; tín hiệu cầm tay.

Ngoài việc  bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

* Thực hiện hành vi quy định tại mục (i) nêu trên buộc phải bổ sung đầy đủ theo quy định trên tàu hàng về: thiết bị, dụng cụ, vật liệu chữa cháy; thuốc sơ, cấp cứu; dụng cụ chèn tàu; tín hiệu cầm tay;
* Thực hiện hành vi quy định tại mục (ii) buộc phải bổ sung đầy đủ theo quy định trên tàu khách về: thiết bị, dụng cụ, vật liệu chữa cháy; thuốc sơ, cấp cứu; dụng cụ thoát hiểm; dụng cụ chèn tàu; dụng cụ, vật liệu để sửa chữa đơn giản; tín hiệu cầm tay.

**Câu 128.** **Chị A (40 tuổi) hiện đang ở một mình nuôi con gái học lớp 6. Để có tiền trang trải cuộc sống, lo tiền học phí cho con gái nên chị đã quyết định bán bánh mì trên ga tàu. Đoàn tàu dừng để đón, trả khách nên thời gian thường kéo dài khoảng 15 đến 20 phút, vì vậy chị phải mời chào, chèo kéo khách để bán hàng. Thông cảm cho hoàn cảnh của chị A, chị B nhân viên phục vụ hành khách trên tàu đã nhiều lần cho chị A lên tàu để bán hàng, gây mất trật tự trên tàu. Vậy trong trường hợp này, ai là người vi phạm quy định của pháp luật liên quan đến an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường sắt? Mức xử lý vi phạm được quy định như thế nào?**

Việc buôn bán hàng rong trên tàu là hành vi trái pháp luật, vì vậy, chị A là cá nhân thực hiện hành vi có thể bị xử phạt hành chính theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 73 Nghị định 100/2019/NĐ-CP với mức xử phạt vi phạm hành chính như sau:

* Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với cá nhân thực hiện hành vi bán hàng rong trên tàu, dưới ga.

Bên cạnh đó, trong trường hợp nêu trên, chị B là nhân viên phục vụ hành khách trên tàu nhưng lại nhiều lần cho phép chị A lên tàu bán hàng rong gây mất trật tự, vì vậy, chị B cũng vi phạm quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn giao thông đường sắt được quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 64 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP với mức xử phạt như sau: Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi trưởng tàu, nhân viên phục vụ hành khách để người bán hàng rong trên tàu, để người không có vé đi tàu, để người lên, xuống tàu khi tàu đang chạy; để hành lý, hàng hóa ở hai đầu toa xe, bậc lên xuống hai đầu toa xe khi tàu đang chạy, trừ trường hợp để hành lý, hàng hóa của hành khách chuẩn bị xuống tàu khi tàu vào ga có tác nghiệp dừng, đỗ.

**Câu 129. Buổi tối ngày 25/12/2022 anh N (35 tuổi) – nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu có tham gia bữa tiệc sinh nhật của bạn thân là anh M. Biết sáng hôm sau có lịch trình chạy chuyến tàu từ Phủ Lý về ga Hà Nội nên trước đó anh N đã nói với mọi người trong bữa tiệc là sẽ không sử dụng rượu bia. Tuy nhiên, anh M lại nói rằng trong bữa tiệc sinh nhật của M mà anh N không uống rượu là không tôn trọng mọi người, đến khi nào anh N uống say thì mới được về nhà. Nể tình bạn, anh N đã tiếp tục tham gia buổi tiệc và uống rượu theo sự cố ép của M. Thấy bạn say, anh M đã dừng cuộc rượu để anh N về nhà. Sau một đêm nghỉ ngơi, anh N cảm thấy bản thân tỉnh táo và tiếp tục đi làm theo lịch trình đã định. Tuy nhiên, khi bị cơ quan chức năng kiểm tra, phát hiện nồng độ cồn trong máu của anh N vượt quá mức quy định cho phép. Trong trường hợp này, anh N bị xử lý vi phạm hành chính với mức phạt như thế nào?**

Trả lời

Uống rượu bia, sử dụng các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng là hành vi nguy hiểm, gây mất an toàn trong tham gia giao thông. Trong trường hợp này, anh N là nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu (không phải lái tàu và phụ tàu) nhưng sử dụng rượu bia trước khi làm nhiệm vụ và qua kiểm tra có nồng độ cồn trong máu vượt mức quy định của pháp luật, như vậy, hành vi của anh N có thể bị xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt phụ thuộc vào mức độ nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở được quy định tại Điều 63 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP, cụ thể như sau:

* Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi khi làm nhiệm vụ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở.
* Phạt từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi khi làm nhiệm vụ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở.
* Phạt từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:
* Khi làm nhiệm vụ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở;
* Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn, chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng của người thi hành công vụ;
* Khi làm nhiệm vụ mà trong cơ thể có chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng.

**Câu 130. Trong một lần có việc đột xuất phải đi xa, chị B ra ga tàu nhưng chị không kịp mua vé và chuyến tàu sắp khởi hành. Tuy nhiên, chị B lại được một người chỉ dẫn cứ lên chuyến tàu đó cho kịp rồi tìm nhân viên trên tàu mua vé tàu sau. Do đang vội nên chị đã nghe lời người đó, xin lên tàu trước và được chấp nhận, sau khi lên tàu, chị được một người xưng là nhân viên bán vé đưa cho tấm vé tàu với mức giá gấp đôi mức giá bán vé tại đại lý bán vé tàu, cảm thấy không hợp lý, nhưng vì đã lên tàu nên chị B chấp nhận mua tấm vé với mức giá đó. Như vậy, người bán vé cho chị B có vi phạm quy định của pháp luật về bán vé tàu hay không? Nếu có thì sẽ bị xử phạt như thế nào?**

Trong trường hợp của chị B gặp nêu trên là hành vi bán vé tàu sai quy định của cá nhân, nhân viên bán vé, nhân viên phục vụ đường sắt, đây là một hành vi trái pháp luật và bị xử phạt hành chính với mức phạt theo quy định tại khoản 2, Điều 72 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, cụ thể như sau: Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Nhân viên bán vé của nhà ga, nhân viên bán vé của đại lý bán vé tàu, nhân viên bán vé trên tàu bán vé tàu trái quy định;

- Mua, bán vé tàu nhằm mục đích thu lợi bất chính.

Bên cạnh mức xử phạt đó, người mua, bán vé tàu cho chị B nhằm mục đích thu lợi bất chính còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung theo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 72 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP, đó là tịch thu toàn bộ số vé tàu hiện có.

Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, người đó còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 5 Điều 72 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP.

**Câu 131. Pháp luật quy định như thế nào về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi không có hoặc không đầy đủ trang thiết bị trên phương tiện giao thông đường sắt?**

Tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 61 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định như sau: *Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với trưởng tàu, lái tàu phụ trách đoàn tàu thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:*

*(i) Không có hoặc có không đầy đủ theo quy định trên tàu hàng về: thiết bị, dụng cụ, vật liệu chữa cháy; thuốc sơ, cấp cứu; dụng cụ chèn tàu; tín hiệu cầm tay;*

*(ii) Không có hoặc có không đầy đủ theo quy định trên tàu khách về: thiết bị, dụng cụ, vật liệu chữa cháy; thuốc sơ, cấp cứu; dụng cụ thoát hiểm; dụng cụ chèn tàu; dụng cụ, vật liệu để sửa chữa đơn giản; tín hiệu cầm tay.*

Ngoài việc áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

*- Thực hiện hành vi quy định tại mục (i) nêu trên buộc phải bổ sung đầy đủ theo quy định trên tàu hàng về: thiết bị, dụng cụ, vật liệu chữa cháy; thuốc sơ, cấp cứu; dụng cụ chèn tàu; tín hiệu cầm tay;*

*- Thực hiện hành vi quy định tại mục (ii) nêu trên buộc phải bổ sung đầy đủ theo quy định trên tàu khách về: thiết bị, dụng cụ, vật liệu chữa cháy; thuốc sơ, cấp cứu; dụng cụ thoát hiểm; dụng cụ chèn tàu; dụng cụ, vật liệu để sửa chữa đơn giản; tín hiệu cầm tay.*

**Câu 132. Pháp luật quy định như thế nào về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt đưa toa xe ra chở khách mà không có đủ các thiết bị hoặc có nhưng không hoạt động theo quy định?**

Khoản 2 Điều 61 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định như sau:

*Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt đưa toa xe ra chở khách mà không có đủ các thiết bị hoặc có nhưng không hoạt động theo quy định.*

**Câu 133. Nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu có hành vi sử dụng bằng, chứng chỉ chuyên môn giả, Giấy phép lái tàu giả hoặc không có Giấy phép lái tàu thì bị xử phạt như thế nào?**

Khoản 2, khoản 3 Điều 62 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định như sau:

*(i) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng bằng, chứng chỉ chuyên môn giả, Giấy phép lái tàu giả hoặc không có Giấy phép lái tàu.*

*(ii) Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại mục (i) nêu trên còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu bằng, chứng chỉ chuyên môn giả, Giấy phép lái tàu giả.*

**Câu 134. Pháp luật quy định như thế nào về xử phạt hành chính đối với nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu (trừ lái tàu và phụ tàu) có hành vi vi phạm quy định về nồng độ cồn hoặc sử dụng chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng?**

Điều 63 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định như sau:

*(i) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi khi làm nhiệm vụ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở.*

*(ii) Phạt từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi khi làm nhiệm vụ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở.*

*(iii) Phạt từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:*

*- Khi làm nhiệm vụ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở;*

*- Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn, chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng của người thi hành công vụ;*

*- Khi làm nhiệm vụ mà trong cơ thể có chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng.*

**Câu 135. Nhân viên đường sắt có liên quan đến công tác chạy tàu, công tác phục vụ hành khách khi làm nhiệm vụ mà không mặc đồng phục, không đeo phù hiệu, cấp hiệu, biển chức danh theo đúng quy định thì bị xử phạt như thế nào?**

Khoản 1 Điều 64 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định như sau:

*Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với nhân viên đường sắt có liên quan đến công tác chạy tàu, công tác phục vụ hành khách khi làm nhiệm vụ mà không mặc đồng phục, không đeo phù hiệu, cấp hiệu, biển chức danh theo đúng quy định.*

**Câu 136. Pháp luật quy định như thế nào về xử phạt hành chính đối với hành vi của nhân viên đường sắt không tuân thủ quy trình tác nghiệp?**

Theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 64 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP, thì nhân viên đường sắt không tuân thủ quy trình tác nghiệp bị phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

**Câu 137. Pháp luật quy định như thế nào về xử phạt hành chính đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện hành vi bán vé vượt quá số chỗ công bố, quy định được phép chở tại từng thời điểm của toa xe?**

Tại khoản 1, khoản 5 Điều 65 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định như sau:

*(i) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện hành vi bán vé vượt quá số chỗ công bố, quy định được phép chở tại từng thời điểm của toa xe tính trên mỗi hành khách bị vượt nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 150.000.000 đồng.*

*(ii) Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức thực hiện hành vi quy định tại mục (i) nêu trên còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc phải bố trí phương tiện khác để chở số hành khách vượt quá quy định được phép chở của toa xe.*

**Câu 138. Pháp luật quy định về xử phạt hành chính như thế nào đối với lái tàu tự ý rời khỏi vị trí lái máy khi đầu máy đang hoạt động?**

Điểm a khoản 2 Điều 66 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định như sau: *Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với lái tàu thực hiện hành vi rời vị trí lái máy khi đầu máy đang hoạt động.*

**Câu 139. Lái tàu, người trực tiếp điều khiển phương tiện giao thông đường sắt phục vụ dây chuyền công nghệ của doanh nghiệp bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 khi thực hiện hành vi vi phạm nào?**

Tại khoản 3 Điều 66 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 24 Điều 2 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ) quy định như sau: *Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với lái tàu, người trực tiếp điều khiển phương tiện giao thông đường sắt phục vụ dây chuyền công nghệ của doanh nghiệp thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:*

*- Dừng tàu không đúng quy định mà không có lý do chính đáng;*

*- Điều khiển tàu chạy vượt quá tín hiệu ngừng;*

*- Điều khiển tàu, phương tiện giao thông đường sắt phục vụ dây chuyền công nghệ của doanh nghiệp chạy quá tốc độ quy định của Công lệnh tốc độ đến 10 km/h.*

**Câu 140. Đối với tổ chức sử dụng lao động không tổ chức kiểm tra sức khỏe cho nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu trong phạm vi quản lý của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 67 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 25 Điều 2 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP), đối với tổ chức sử dụng lao động *không tổ chức kiểm tra sức khỏe cho nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu trong phạm vi quản lý của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật,* thì bị *phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.*

**Câu 141. Pháp luật quy định xử phạt như thế nào đối với cơ sở đào tạo các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu có hành vi không bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn đối với cơ sở đào tạo các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu theo quy định hoặc không thực hiện đúng, đầy đủ quy chế tuyển sinh, nội dung, chương trình đào tạo, quy chế thi, cấp, đổi bằng, chứng chỉ chuyên môn theo quy định?**

Khoản 1, khoản 3 Điều 68 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định như sau:

*(i) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:*

*a) Không bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn đối với cơ sở đào tạo các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu theo quy định;*

*b) Không thực hiện đúng, đầy đủ quy chế tuyển sinh, nội dung, chương trình đào tạo, quy chế thi, cấp, đổi bằng, chứng chỉ chuyên môn theo quy định.*

*(ii) Ngoài việc bị phạt tiền, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại mục (i) nêu trên còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ tuyển sinh từ 01 tháng đến 03 tháng.*

**Câu 142.  Pháp luật quy định xử phạt như thế nào đối với cơ sở đào tạo các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu có hành vi đào tạo, cấp bằng, chứng chỉ chuyên môn khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền?**

Tại khoản 2, khoản 4 Điều 68 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định như sau:

*(i) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đào tạo, cấp bằng, chứng chỉ chuyên môn khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.*

*(ii) Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại mục (i) nêu trên, còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc thu hồi và tiêu hủy bằng, chứng chỉ chuyên môn đã cấp trái phép.*

**Câu 143. Pháp luật quy định xử phạt như thế nào đối với hành vi vi phạm quy định về xây dựng Quy trình chạy tàu và công tác dồn, Quy tắc quản lý kỹ thuật ga, niêm yết Bản trích lục Quy tắc quản lý kỹ thuật ga, trạm đường sắt?**

Tại Điều 69 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định như sau:

*(i) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với tổ chức được giao trực tiếp kinh doanh, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng không niêm yết hoặc niêm yết không đầy đủ Bản trích lục Quy tắc quản lý kỹ thuật ga, trạm theo quy định.*

*(ii) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức được giao trực tiếp kinh doanh, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:*

*- Không thực hiện việc xây dựng Quy tắc quản lý kỹ thuật ga; không xây dựng Quy trình chạy tàu và công tác dồn đường sắt; không xây dựng Quy trình khai thác sử dụng đối với thiết bị tín hiệu đuôi tàu khi sử dụng trên các đoàn tàu hàng theo quy định;*

*- Không thực hiện việc xây dựng Quy trình tác nghiệp của lái tàu và phụ lái tàu; không xây dựng mẫu sổ đăng ký phục vụ công tác chạy tàu và cấp cảnh báo; không quy định biện pháp chạy tàu tại điểm giao tiếp giữa đường sắt quốc gia với đường sắt chuyên dùng theo quy định.*

**Câu 144. Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng khi thực hiện hành vi vi phạm nào?**

Khoản 1 Điều 70 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định như sau:

*Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:*

*- Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt không bố trí người phụ trách công tác an toàn, người chịu trách nhiệm chính về quản lý, kỹ thuật khai thác vận tải hoặc có bố trí nhưng không đủ điều kiện theo quy định;*

*- Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt không bố trí người phụ trách bộ phận an toàn, người quản lý doanh nghiệp hoặc có bố trí nhưng không đủ điều kiện theo quy định;*

*- Doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị không bố trí người phụ trách bộ phận an toàn kết cấu hạ tầng đường sắt hoặc có bố trí nhưng không đủ điều kiện theo quy định;*

*- Doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị không bố trí người phụ trách bộ phận an toàn vận tải đường sắt, người quản lý, điều hành doanh nghiệp hoặc có bố trí nhưng không đủ điều kiện theo quy định.*

**Câu 145.  Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng khi thực hiện hành vi vi phạm nào?**

Khoản 2 Điều 70 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định như sau:

*Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:*

*- Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt không có bộ phận phụ trách công tác an toàn vận tải đường sắt theo quy định;*

*- Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt không có bộ phận phụ trách công tác an toàn theo quy định;*

*- Doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị không có bộ phận phụ trách công tác an toàn kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định;*

*- Doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị không có bộ phận phụ trách công tác an toàn vận tải đường sắt theo quy định.*

**Câu 146. Pháp luật quy định xử phạt như thế nào đối với doanh nghiệp trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện vận chuyển thi hài, hài cốt trái quy định hoặc vận chuyển động vật sống không đúng quy định?**

Điểm a, điểm b khoản 1 và điểm a khoản 4 Điều 71 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định như sau:

*(i) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với doanh nghiệp trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:*

*a) Vận chuyển thi hài, hài cốt trái quy định;*

*b) Vận chuyển động vật sống không đúng quy định;*

*(ii) Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:*

*Thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm b mục (i) nêu trên buộc phải đưa thi hài, hài cốt, động vật sống xuống tàu tại ga đến gần nhất để xử lý theo quy định.*

**Câu 147. Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt không thực hiện việc miễn, giảm giá vé hoặc thực hiện miễn, giảm giá vé không đúng quy định thì bị xử phạt như thế nào?**

Khoản 2 Điều 71 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định như sau:

*Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt không thực hiện việc miễn, giảm giá vé hoặc thực hiện miễn, giảm giá vé không đúng quy định.*

**Câu 148. Pháp luật quy định như thế nào về xử phạt hành chính đối với hành vi sử dụng vé tàu giả?**

Khoản 1, khoản 3 Điều 72 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định như sau:

*(i) Cảnh cáo hoặc phạt tiền 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi sử dụng vé tàu giả để đi tàu.*

*(ii) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:*

*a) Vận chuyển vé tàu giả;*

*b) Bán vé tàu giả;*

*c) Tàng trữ vé tàu giả.”*

Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

*- Thực hiện hành vi quy định tại mục (i) nêu trên bị tịch thu vé tàu giả;*

*- Thực hiện hành vi quy định tại mục (ii) nêu trên bị tịch thu toàn bộ vé tàu giả.*

*Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại mục (ii) nêu trên còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính.*

**Câu 149. Pháp luật quy định như thế nào về xử phạt hành chính đối với hành vi mua, bán vé tàu trái quy định?**

Khoản 2 Điều 72 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định như sau:

*Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:*

*(i) Nhân viên bán vé của nhà ga, nhân viên bán vé của đại lý bán vé tàu, nhân viên bán vé trên tàu bán vé tàu trái quy định;*

*(ii) Mua, bán vé tàu nhằm mục đích thu lợi bất chính.*

*Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây: Thực hiện hành vi quy định tại mục (ii) nêu trên bị tịch thu toàn bộ số vé tàu hiện có.*

*Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định nêu trên còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính.*

**Câu 150. Hành vi gây mất trật tự, an toàn trên tàu, dưới ga; mang theo chất cháy nổ, hàng nguy hiểm, động vật có dịch bệnh vào ga, lên tàu sẽ bị xử phạt như thế nào?**

Tại khoản 2, khoản 5 Điều 73 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định như sau:

*(i) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:*

*a) Gây mất trật tự, an toàn trên tàu, dưới ga;*

*b) Đổ, để rác thải sinh hoạt lên phương tiện giao thông đường sắt;*

*c) Mang theo động vật có dịch bệnh vào ga, lên tàu;*

*d) Mang chất dễ cháy, dễ nổ, vũ khí, hàng nguy hiểm vào ga, lên tàu trái quy định;*

*đ) Mang theo động vật sống lên tàu trái quy định;*

*e) Mang thi hài, hài cốt vào ga, lên tàu đường sắt đô thị; mang thi hài, hài cốt vào ga, lên tàu đường sắt quốc gia trái quy định.*

*(ii) Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e mục (i) nêu trên còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc đưa động vật có dịch bệnh, thi hài, hài cốt, chất dễ cháy, dễ nổ, vũ khí, hàng nguy hiểm, động vật sống xuống tàu (tại ga đến gần nhất trong trường hợp tàu đang chạy), ra ga để xử lý theo quy định.*